BAC A BANK

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN 1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK 1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển 2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 5
1.4. Mô hình tổ chức quản lý 7
1.5. Định hướng phát triển 8
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh 9
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 11
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2024 11
2.2. Tổ chức và nhân sự 13
2.3. Tình hình đầu tư 19
2.4. Tình hình tài chính 20
2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn chủ sở hữu 21
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội 21
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 23
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh 23
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật 25
3.3. Kế hoạch phát triển 27
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 28
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK 28
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành 30
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị 30
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 32

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
  Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
- Tên tiếng Anh:
  BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt:
  BAC A BANK
- Mã cổ phiếu:
  BAB
- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
  2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024:
  8.959.336.420.000 VND
  (Tám nghìn chín trăm năm mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)
- Giấy phép thành lập và hoạt động:
  47/GP-NHNN
- Địa chỉ:
  Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại:
  (84-238) 3844277
- Số fax:
  (84-238) 3841757
- Website:
  http://www.baca-bank.vn

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

❖ Tầm nhìn

Ngân hàng TMCP Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một ngân hàng tận tâm, tạo ra một thế hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Với tư duy vượt trội, tính tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người với quyết tâm làm giàu chính đáng, BAC A BANK hướng tới giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ấm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng định hướng trở thành một ngân hàng đa năng, cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối, Dịch vụ bảo hiểm… Đồng thời, Ngân hàng đặc biệt chú trọng phục vụ tư vấn đầu tư cho các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, y tế, giáo dục và dược liệu sạch, thực phẩm sạch; từ nay đến năm 2030, BAC A BANK sẽ hoàn thành mục tiêu đưa thế hệ các nhà đầu tư này lên một tầm cao mới, hòa nhập với quốc tế.

❖ Sứ mệnh

Ngân hàng TMCP Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thế hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và thân thiện với môi trường.

❖ Giá trị cốt lõi

- Tiên phong
- Chuyên nghiệp
- Đáng tin cậy
- Cải tiến không ngừng
- Vì hạnh phúc đích thực

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng cùng 01 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là Trụ sở chính và 08 thành viên đầu tiên. Trải qua hơn 30 năm, Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ:

Năm 1995 đánh dấu mốc khởi đầu cho sự mở rộng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK với Chi nhánh đầu tiên được khai trương: Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2004, BAC A BANK chính thức có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam, đánh dấu bởi lễ khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi mô hình từ phi tập trung, phân tán sang mô hình tập trung; đồng thời, phân tách công việc, nhiệm vụ theo từng Khối/Ban/Phòng chức năng chuyên trách nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ để hướng tới mô hình tổ chức của một ngân hàng hiện đại.

Năm 2009 - 2010, Ngân hàng trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.

Năm 2011, BAC A BANK ghi dấu ấn quan trọng khi chính thức công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới vào ngày 21/12/2011: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng.

Năm 2012, Dự án sữa TH True MILK do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã thành công khi chính thức ra mắt thị trường và đặt nền móng cho ngành công nghiệp sữa tươi sạch Việt Nam.

Năm 2014, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, BAC A BANK vinh dự được nhận Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng, cá nhân Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Năm 2015, BAC A BANK cơ bản hoàn thành kế hoạch hoạt động 05 năm (2011 - 2015) và đạt nhiều kết quả tích cực. BAC A BANK đã vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu trong phát triển bền vững vì cộng đồng năm 2015" vì những hoạt động xuất sắc và nỗ lực không ngừng trong hoạt động tư vấn đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, mang lại giá trị cốt lõi cho toàn xã hội, vì sức khỏe cộng đồng, giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng, dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

Năm 2016, BAC A BANK chính thức hoàn thành việc tăng Vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới với 97 điểm giao dịch trên 18 tỉnh thành phố khắp cả nước. Cũng trong năm 2016, BAC A BANK lần thứ 2 nhận giải thưởng "Ngân hàng Vì Cộng đồng" và giải thưởng "Sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu 2016" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng; giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu Trách nhiệm xã hội Việt Nam 2016" do Tạp chí International Finance Magazine (IFM) trao tặng. Tổng Giám đốc - Bà Thái Hương lần thứ 2 được vinh danh trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á do Tạp chí Forbes bình chọn.

Năm 2017, cổ phiếu của BAC A BANK với mã BAB chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom vào ngày 28/12/2017. Trong năm, BAC A BANK vinh dự được nhận giải "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam" do Hiệp hội Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức và 02 giải thưởng "Vì Cộng đồng", "Ngân hàng tiêu biểu tư vấn đầu tư nông nghiệp công nghệ cao 2017" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Cũng trong năm 2017, Bà Tổng Giám đốc Thái Hương được tạp chí IFM trao tặng giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm".

Năm 2018, BAC A BANK vinh dự đạt 2 giải thưởng "Ngân hàng hỗ trợ tư vấn đầu tư công nghệ cao cho nông nghiệp sạch 2018" và "Ngân hàng có sản phẩm, dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018" thuộc hệ thống Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2018 do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Tại Lễ trao giải Ngân hàng tiêu biểu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2018 của Tạp chí IFM, BAC A BANK được vinh danh với hai giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tiên phong tư vấn đầu tư các dự án nông nghiệp sạch ở nước ngoài" và Tổng Giám đốc BAC A BANK - Bà Thái Hương năm thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm". Cũng trong năm 2018, Bà Thái Hương đã đoạt giải Vàng hạng mục Doanh nhân xuất sắc của năm với Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế 2018 (International Business Awards - IBA Stevie Awards).

Năm 2019, Ngân hàng đã vận hành chính thức Hệ thống tính toán Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/01/2020; đây là một dấu ấn quan trọng khi BAC A BANK có thêm công cụ trong quản trị hệ thống, quản trị rủi ro để tuân thủ các quy định của NHNN cũng như các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động ngân hàng. Năm 2019 cũng là năm kỷ niệm 25 năm thành lập, BAC A BANK đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, Cờ thi đua xuất sắc và Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An và Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, trong năm 2019, BAC A BANK cũng đã giành giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh" trong khuôn khổ "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2019 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2019" (VOBA) do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Trong năm, lãnh đạo BAC A BANK tiếp tục được vinh danh và trao tặng các giải thưởng uy tín. Tại Diễn đàn Tri thức Thế giới - World Knowledge Forum 2019 diễn ra ở Seoul (Hàn Quốc), Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được tôn vinh với Giải thưởng Nữ doanh nhân Quyền lực, trao tặng riêng cho doanh nhân đạt nhiều thành tích trong kinh doanh và là hình mẫu để truyền cảm hứng và động lực tới thế hệ phụ nữ trẻ trong cộng đồng ASEAN.

Năm 2020, BAC A BANK hoàn thành tăng Vốn điều lệ lên 7.085 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động đạt 145 điểm giao dịch trên cả nước. Đây là sự đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của BAC A BANK, thể hiện quyết tâm đưa Ngân hàng trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững. Ngày 29/12/2020, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 03/03/2021, cổ phiếu mã BAB của Ngân hàng TMCP Bắc Á đã chính thức được niêm yết trên sàn HNX. Trong năm 2020, Tổng Giám đốc Thái Hương vinh dự được đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới - danh hiệu cao quý nhất mà Đảng và Nhà nước trao tặng. Bên cạnh đó, nhờ những đóng góp tích cực trong nhiều hoạt động an sinh xã hội ý nghĩa những năm vừa qua, BAC A BANK lần thứ 6 liên tiếp được nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu Vì Cộng đồng".

Năm 2021, BAC A BANK liên tục triển khai nhiều giải pháp kịp thời, đồng bộ và quyết liệt, phù hợp với diễn biến mới của dịch Covid - 19, tiêu biểu là các chương trình, sản phẩm cho vay với lãi suất ưu đãi, cạnh tranh. Điều này một lần nữa khẳng định vai trò và trách nhiệm của BAC A BANK trong việc thực hiện chính sách tiền tệ, chung tay cùng cả nước đẩy lùi dịch bệnh, duy trì và phát triển kinh tế sau đại dịch. Đầu năm 2022, Anh hùng lao động Thái Hương, Tổng Giám đốc của BAC A BANK được Forbes tôn vinh trong danh sách "Forbes 50 Over 50 Asia 2022" - Vinh danh 50 phụ nữ Châu Á trên 50 tuổi có sức ảnh hưởng lớn, tích cực ở tầm quốc tế.

Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch song vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đan xen, BAC A BANK tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh, tăng Vốn điều lệ lên gần 8.134 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới 163 điểm giao dịch trên 39 tỉnh thành cả nước. Đây cũng là năm đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Ngân hàng về công nghệ khi chính thức vận hành mô hình giao dịch ngân hàng tự động (Kiosk Banking) vào tháng 07/2022, cho phép khách hàng chủ động thao tác, trải nghiệm các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mà không cần trực tiếp giao dịch tại quầy.

Cũng trong năm 2022, Ngân hàng đã vinh dự đạt được nhiều Bằng khen/giải thưởng như: Bằng khen của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước vì "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2020 - 2021"; Bằng khen "Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người Lao Động" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng; Tổng Giám đốc Thái Hương được Thủ tướng Chính phủ vinh danh là một trong sáu doanh nhân tiêu biểu có thành tích, đóng góp xuất sắc trong phòng chống đại dịch Covid - 19; đồng thời Bà cũng vinh dự đón nhận giải thưởng "Top 10 Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2022" do VCCI trao tặng.

Năm 2023, BAC A BANK đã có những nỗ lực vượt bậc trong giai đoạn nền kinh tế đầy thách thức. Ngân hàng tiếp tục tăng Vốn điều lệ lên 8.334 tỷ đồng, kiện toàn mạng lưới hoạt động với sự hiện diện trên 42 tỉnh thành. Trong năm 2023, BAC A BANK chú trọng đầu tư chuyển đổi số, hiện đại hoá Ngân hàng, tiếp tục triển khai dự án Kiosk Banking giai đoạn 2 với sự nâng cấp toàn diện tính năng của máy ATM+. Đầu năm, Ngân hàng ra mắt Thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và linh hoạt trong chi tiêu của khách hàng. Ngân hàng cũng đã chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP) theo thông lệ quốc tế, đây là công cụ đắc lực giúp nâng cao công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng trong giai đoạn mới.

Với những đóng góp nổi bật trong lĩnh vực tư vấn đầu tư, kiên định với mục tiêu kinh doanh bền vững, đề cao chữ Tâm trong mọi hoạt động kinh doanh, tập trung vào phát triển nguồn lực con người, BAC A BANK đã vinh dự giành được các giải thưởng như: "Doanh nghiệp xuất sắc châu Á" trong Asia Pacific Enterprise Awards (APEA), "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2023" và "Doanh nghiệp Quan tâm Chăm sóc Nhân viên tuyệt vời nhất" tại Lễ trao giải Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2023. Bên cạnh đó, BAC A BANK vinh dự là 1 trong 10 doanh nghiệp Nghệ An nhận bằng khen của chủ tịch VCCI.

Năm 2024, trước những thách thức từ kinh tế thế giới, thị trường tài chính trong nước và biến động tỷ giá, lãi suất, BAC A BANK đã chủ động, linh hoạt điều hành kinh doanh, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Nhờ đó, Ngân hàng duy trì sự tăng trưởng ổn định và bền vững, với vốn điều lệ đạt 8.959 tỷ đồng và mạng lưới mở rộng đến 187 điểm giao dịch trên 46 tỉnh thành. Đặc biệt, BAC A BANK đã có bước chuyển mình mạnh mẽ trong việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và phát triển ngân hàng số, liên tục nâng cấp hệ thống CoreBanking, Internet và Mobile Banking, cùng hệ thống quản lý thẻ.

Năm 2024 cũng đánh dấu hành trình 30 năm phát triển với nhiều giải thưởng danh giá. BAC A BANK được vinh danh trong Top 5 Ngân hàng giao dịch ngoại hối lớn nhất Việt Nam (Vietnam FX Awards) và Top 10 Ngân hàng đổi mới, sáng tạo và kinh doanh hiệu quả năm 2024 (Viet Research & Báo Đầu tư). Ngân hàng cũng nhận các giải thưởng quốc tế như: Sản phẩm dịch vụ chất lượng Châu Á và Thương hiệu xuất sắc Châu Á (Viện nghiên cứu kinh tế Châu Á), Ngân hàng Tiêu biểu về tín dụng xanh 2024 (IDG) và các giải thưởng từ HR Asia như: "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á", "Doanh nghiệp Quan tâm Chăm sóc Nhân viên tuyệt vời nhất" và "Doanh nghiệp có chính sách đa dạng, bình đẳng và hòa nhập nổi bật nhất". Đồng thời, BAC A BANK được FiinRatings xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành ở mức 'A-' với triển vọng "Ổn định".

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

❖ **Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

❖ **Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính - ngân hàng đa dạng, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội cao.

Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp Ngân hàng gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK tại ngày 31/12/2024 có 187 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 46 tỉnh thành trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

Nghệ An	**01 CHI NHÁNH**	**TP. Hà Nội**	**12 CHI NHÁNH**
01 TRỤ SỞ CHÍNH	11 Phòng giao dịch		44 Phòng giao dịch
Hải Phòng	**01 CHI NHÁNH**	**Hưng Yên**	**01 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		03 Phòng giao dịch
Quảng Ninh	**01 CHI NHÁNH**	**Hà Giang**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Vĩnh Phúc	**01 CHI NHÁNH**	**Lào Cai**	**01 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Thái Nguyên	**01 CHI NHÁNH**	**Lạng Sơn**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Bắc Giang	**01 CHI NHÁNH**	**Thái Bình**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Hà Nam	**01 CHI NHÁNH**	**Nam Định**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Ninh Bình	**01 CHI NHÁNH**	**Thanh Hóa**	**01 CHI NHÁNH**
	01 Phòng giao dịch		04 Phòng giao dịch
Hà Tĩnh	**01 CHI NHÁNH**	**Bình Định**	**01 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Quảng Bình	**01 CHI NHÁNH**	**Phú Yên**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		02 Phòng giao dịch
Huế	**01 CHI NHÁNH**	**Đắk Lắk**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		02 Phòng giao dịch
Đà Nẵng	**01 CHI NHÁNH**	**Lâm Đồng**	**01 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch

TP. Hồ Chí Minh	**03 CHI NHÁNH** 15 Phòng giao dịch	**Khánh Hòa**	**01 CHI NHÁNH** 02 Phòng giao dịch
Cần Thơ	**01 CHI NHÁNH** 02 Phòng giao dịch	**Vũng Tàu**	**01 CHI NHÁNH** 02 Phòng giao dịch
Kiên Giang	**01 CHI NHÁNH** 02 Phòng giao dịch	**Đồng Nai**	**01 CHI NHÁNH** 01 Phòng giao dịch
Bình Dương	**01 CHI NHÁNH** 02 Phòng giao dịch	**Long An**	**01 CHI NHÁNH** 01 Phòng giao dịch
Bắc Ninh	**01 CHI NHÁNH** 01 Phòng giao dịch	**An Giang**	**01 CHI NHÁNH**
Bình Thuận	**01 CHI NHÁNH** 01 Phòng giao dịch	**Đồng Tháp**	**01 CHI NHÁNH**
Hải Dương	**01 CHI NHÁNH**	**Hòa Bình**	**01 CHI NHÁNH**
Phú Thọ	**01 CHI NHÁNH**	**Điện Biên**	**01 CHI NHÁNH**
Yên Bái	**01 CHI NHÁNH**	**Cà Mau**	**01 CHI NHÁNH**
Sơn La	**01 CHI NHÁNH**	**Quảng Nam**	**01 CHI NHÁNH**
Tây Ninh	**01 CHI NHÁNH**	**Đắk Nông**	**01 CHI NHÁNH**

Trong năm 2024, BAC A BANK mở thêm 04 Chi nhánh mới tại các tỉnh Sơn La, Quảng Nam, Tây Ninh và Đắk Nông. Đồng thời, Ngân hàng cũng thực hiện khai trương thêm 08 Phòng giao dịch tại các tỉnh/thành cả nước như Hà Nội (5), Phú Yên (1), Bình Thuận (1), Khánh Hoà (1).

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



Cơ cấu bộ máy quản lý của BAC A BANK bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của BAC A BANK, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ BAC A BANK quy định. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị với chức năng là cơ quan quản trị giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông của BAC A BANK, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của BAC A BANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc với chức năng là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai chiến lược hoạt động của Ngân hàng.

Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng. Các Hội đồng trực thuộc Ban Tổng Giám đốc gồm có: Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn và Hội đồng Rủi ro. Bộ máy hoạt động của BAC A BANK bao gồm các Đơn vị (Khối, Ban, Trung tâm Kinh doanh, Văn phòng trực thuộc) tại Hội sở, các Chi nhánh và Phòng giao dịch.

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2024, Ngân hàng có hai (02) công ty con do BAC A BANK sở hữu 100% vốn là:

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á**

- Địa chỉ: Số 67 phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104507588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 03 năm 2010.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

❖ **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**

- Địa chỉ: Số 09 phố Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107983828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả, vững chắc, có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng đa năng, theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và cho vay các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền

tảng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên nguồn vốn cho vay và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội… Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, thông qua việc đồng hành cùng Quỹ Vì Tầm Vóc Việt, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội và theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

BAC A BANK đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng; tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Ngân hàng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đã tính toán và trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

Ngân hàng đa dạng hóa chế độ cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là ưu tiên nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều này dẫn đến khả năng giảm thu

BAC A BANK đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường. Theo đó, Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay, chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp

nhập của ngân hàng so với dự tính.

chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục Tài sản Nợ và Tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng.

BAC A BANK được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng Đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và Đô la Mỹ.

Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống về Hội sở chính. Các Chi nhánh đều được đặt hạn mức giao dịch trong ngày và không có trạng thái ngoại hối vào cuối ngày. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống đều được cân bằng kịp thời.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2024

2.1.1 Môi trường kinh doanh

- **Tình hình kinh tế thế giới**

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực. Tính đến tháng 12/2024, hầu hết các tổ chức quốc tế đều giữ nguyên hoặc nâng mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu từ 0,1 đến 0,3 điểm phần trăm so với các dự báo trước đó, đạt từ 2,7% đến 3,2%, tương đương với mức tăng trưởng năm 2023.

Lạm phát toàn cầu năm 2024 đã giảm so với năm 2023, nhưng vẫn có sự khác biệt đáng kể giữa các khu vực. Các nền kinh tế phát triển như Mỹ và khu vực đồng Euro ghi nhận lạm phát giảm dần song các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc và Thái Lan lại có mức lạm phát thấp hơn. Do đó, trong năm 2024, nhiều quốc gia và khu vực đã chuyển sang nới lỏng chính sách tiền tệ, cắt giảm lãi suất sau thời kỳ thắt chặt kéo dài. Cụ thể, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) giảm lãi suất tiền gửi xuống 3,0% vào tháng 12/2024, Fed giảm lãi suất xuống 4,25 - 4,5%, mức thấp nhất trong hai năm qua. Xu hướng này giúp làm giảm chi phí vốn, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế tại các khu vực này.

- **Tình hình kinh tế Việt Nam**

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%).

Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD. Về thị trường tài chính tiền tệ, năm 2024, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo báo cáo của NHNN, tính đến thời điểm 25/12/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,42% so với cuối năm 2023; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,82%.

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BAC A BANK

Năm 2024, kinh tế thế giới có những chuyển biến tích cực song vẫn tồn tại nhiều biến động phức tạp với diễn biến khó lường. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chưa vững chắc, vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đan xen. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của BAC A BANK năm 2024 tiếp tục ghi nhận những kết quả khả quan. Căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2024. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản

165.487 tỷ đồng

Tăng 8,70% so với năm 2023

Tổng tài sản của BAC A BANK tăng trưởng liên tục trong các năm gần đây. Tổng tài sản của Ngân hàng từ năm 2020 đến 2024 đạt mức tăng trưởng bình quân là 9,05%/năm. Năm 2024, Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 165.487 tỷ đồng, tăng 8,70% so với năm 2023, hoàn thành 101,01% (vượt 1.652 tỷ đồng) kế hoạch đề ra.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng

109.553 tỷ đồng

Tăng 9,71% so với năm 2023

Ngân hàng luôn nhất quán với định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Từ năm 2020 đến nay, mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt mức bình quân là 8,50%/năm. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2024 đạt 109.553 tỷ đồng, tăng 9,71% so với năm 2023 và hoàn thành 99,29% kế hoạch đề ra.

Tổng huy động vốn

150.485 tỷ đồng

Tăng 10,06% so với năm 2023

- *Huy động vốn TT1 là 127.471 tỷ đồng*
- *Huy động vốn TT2 là 23.014 tỷ đồng*

Tổng huy động vốn tăng trưởng liên tục trong suốt những năm gần đây với mức tăng trưởng bền vững, trung bình tăng 9,26%/năm từ năm 2020 đến nay. Để đạt được kết quả đó, công tác thương hiệu đóng vai trò quan trọng, hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính chuyên nghiệp cùng với công tác chăm sóc khách hàng được nâng cao, dịch vụ tiện ích mới ngày càng phát triển đã tác động không nhỏ đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

Năm 2024, huy động vốn thị trường 1 đạt 127.471 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,71% tổng huy động vốn. Huy động vốn thị trường 2 của Ngân hàng đến cuối năm 2024 là 23.014 tỷ đồng, chỉ chiếm 15,29% tổng huy động vốn.

Lợi nhuận sau thuế

1.011 tỷ đồng

Tăng 18,36% so với năm 2023

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng liên tục từ năm 2014 đến nay (chỉ riêng năm 2020, lợi nhuận sau thuế của BAC A BANK giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19). Năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng đạt mức 1.011 tỷ đồng, tăng 18,36% so với năm 2023.

Mạng lưới

187 điểm giao dịch đang hoạt động

Mạng lưới giao dịch tiếp tục được mở rộng trên phạm vi cả nước. Năm 2024, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 187 điểm.

Dự kiến trong năm 2025, BAC A BANK sẽ tiếp tục mở rộng thêm mạng lưới hoạt động tại các tỉnh/thành: Phú Thọ, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định, Hoà Bình, Đắk Lắk, Hà Nội.

Nhân sự: 3.886 người

Số lượng nhân viên tại thời điểm 31/12/2024 là 3.886 người, tăng 5,60% so với cuối năm 2023.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ **Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng tại ngày 31/12/2024

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (31/12/2024)
I.	**Thành viên Hội đồng Quản trị**		
1	Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch HĐQT	3,108%
2	Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4,555%
3	Ông Võ Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,075%
4	Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên HĐQT	0,296%
5	Bà Hoàng Hồng Hạnh	Thành viên độc lập HĐQT	-
II.	**Ban Điều hành**		
1	Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	4,555%
2	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-
3	Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	3,753%
4	Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	0,205%
5	Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	-
6	Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	0,075%
7	Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	-
8	Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	0,178%
9	Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	-
10	Bà Thái Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	-
III.	**Thành viên Ban Kiểm soát**		
1	Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	0,204%
2	Bà Trần Thị Khánh Chi	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	-
3	Bà Nguyễn Thanh Thuỷ	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	-
IV.	**Kế toán trưởng**		
1	Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	-

❖ Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Thoảng

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1981 đến 1990	Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
✓ Từ năm 2000 đến nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Chủ tịch HĐQT

Bà Thái Hương

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1982 đến 1985	Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng
✓ Từ năm 1985 đến 1989	Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An
✓ Từ năm 1989 đến 1994	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà
✓ Từ năm 1994 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Quang

Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1981 đến 1986	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 - Sở Xây Dựng Nghệ An
✓ Từ năm 1986 đến 1992	Cán bộ/ Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
✓ Từ năm 1993 đến 1997	Cán bộ/ Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
✓ Từ năm 1997 đến 2009	Chánh văn phòng Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
✓ Từ năm 2009 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1997 đến 2003	Trưởng Phòng Tín dụng - Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2003 đến 2006	Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa - Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2006 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT

Bà Hoàng Hồng Hạnh

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Phó Tiến sỹ khoa học (nay là Tiến sỹ) Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1986 đến 1992	Trợ lý cán bộ giảng dạy, Cán bộ giảng dạy Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
✓ Từ năm 1992 đến 2009	Cán bộ Hội sở chính, Phó trưởng phòng vốn, Trưởng

	phòng vốn, Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp lớn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ năm 2009 đến 2010	Tổng giám đốc Công ty Quản lý Đầu tư TH, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam
✓ Từ năm 2010 đến 2013	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam
✓ Từ năm 2013 đến 2015	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế
✓ Từ năm 2015 đến 2019	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2015 đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế
✓ Từ năm 2024 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên độc lập HĐQT

❖ Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hồng Công

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1984 đến 1991	Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh
✓ Từ năm 1992 đến 1994	Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh
✓ Từ năm 1994 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Khánh Chi

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2012 đến 2013	Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2013 đến 2016	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2016 đến 2021	Nhân viên hậu kiểm Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2021 đến 2024	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2024 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Bà Nguyễn Thanh Thuỷ

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2014 đến 2024	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2024 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách

❖ Ban Điều hành

Bà Thái Hương - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Ông Đặng Trung Dũng

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ năm 1995 đến năm 1996	Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội
✓ Từ năm 1996 đến năm 2000	Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng VIB
✓ Từ năm 2001 đến năm 2004	Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK
✓ Từ năm 2004 đến năm 2006	Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2006 đến năm 2016	Phó Tổng Giám đốc thường trực, SHB Bank
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Chu Nguyên Bình

Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2001 đến năm 2002	Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
✓ Từ năm 2003 đến năm 2006	Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2006 đến năm 2008	Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Ngoại tệ, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Ông Nguyễn Trọng Trung

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1986 đến năm 1989	Kế toán - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1989 đến năm 1994	Kế toán tổng hợp - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1994 đến năm 2003	Kế toán tổng hợp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2003 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, BAC A BANK.
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Lợi

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1994 đến năm 1997	Nhân viên Ngân hàng Công thương
✓ Từ năm 1997 đến năm 2008	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)
✓ Từ năm 2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Ông Nguyễn Việt Hanh

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Hội sở chính
✓ Từ năm 2005 đến năm 2006	Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Hội sở chính
✓ Từ năm 2006 đến năm 2014	Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2014 đến năm 2017	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành

Ông Nguyễn Ái Dân

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân

Quá trình công tác:

✓ Trước 01/08/2005	Giám đốc Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)
✓ Từ năm 2005 đến năm 2016	Trưởng ban Công nghệ thông tin, BAC A BANK
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ năm 1998 đến năm 2002	Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2008 đến năm 2009	Phó Giám đốc Sở giao dịch BAC A BANK
✓ Từ năm 2009 đến năm 2015	Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khối Tài chính - Kế toán

Ông Võ Văn Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Bà Thái Thị Nga

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ năm 1994 đến 2018	Phó phòng tín dụng Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2018 đến 2023	Phó phòng Thẩm định, BAC A BANK Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hồng Yến

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ năm 2003 đến 2007	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở Vinh

✓ Từ năm 2007 đến 2010	Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2010 đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Kế toán trưởng

2.2.2. Thay đổi Ban Điều hành trong năm

Trong năm 2024, Ngân hàng không có thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

2.2.3. Cán bộ, nhân viên

❖ Số lượng lao động

Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống (bao gồm cả công ty con) đến 31/12/2024 là 3.886 người, tăng 206 người so với cuối năm 2023.

Trong năm 2024, công tác tuyển dụng tập trung vào tuyển nhân sự mới cho các Phòng giao dịch và Chi nhánh mở mới và tuyển bổ sung, thay thế các trường hợp nghỉ việc, bổ nhiệm/ điều chuyển. Công tác tuyển dụng luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai, tuân thủ quy trình.

❖ Đào tạo lao động

Ngân hàng luôn chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cũng như để bắt kịp với sự phát triển của các công nghệ và ứng dụng mới trong hoạt động Ngân hàng. Tiếp bước thành công trong năm 2023, hoạt động đào tạo năm 2024 đi vào chiều sâu, quan tâm tới nhu cầu của từng đối tượng học viên. Tính đến 16/12/2024, Ngân hàng đã thực hiện 36 khóa đào tạo với 132 lớp cho 26.744 lượt học viên tham dự trong khoảng 1.305 giờ đào tạo.

Trung tâm Đào tạo BAC A BANK tập trung đào tạo cho đội ngũ cán bộ nhân viên mới với những nội dung thiết thực; đồng thời, tổ chức khóa kỹ năng thiết yếu phục vụ cho công việc và định hướng phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên hiện tại cũng như đội ngũ giảng viên nội bộ. Các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn được tập trung vào những kỹ năng, nghiệp vụ cụ thể với từng đối tượng, nhằm thay đổi diện mạo, chất lượng công việc như:

- Vận hành, nâng cấp hệ thống học tập trực tuyến BAB - ILS: Xây dựng hơn 30 bài giảng tương tác đa phương tiện với các nội dung đào tạo hội nhập, đào tạo chuyên môn, đào tạo kỹ năng. Số lượt học viên truy cập và học tập trong năm 2024 đạt gần 25.000 lượt.

- Tổ chức triển khai nhiều hình thức đào tạo, đặc biệt là hình thức kết hợp học trực tiếp - Cisco - Zoom, đáp ứng nhu cầu học tập của trên 1.500 học viên trong một thời điểm, giúp cán bộ nhân viên không gặp cản trở trong quá trình học tập.

- Đào tạo hội nhập về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên chi nhánh mới, đảm bảo đúng tiến độ thời gian hoạt động và khai trương: Nâng cấp chương trình Đào tạo hội nhập phiên bản mới "Hiểu sâu - Hiểu kỹ", cung cấp chuyên sâu nội dung, kiến thức về quy định - quy trình, nghiệp vụ, sản phẩm tại BAC A BANK giúp cán bộ nhân viên có thực tế, áp dụng vào công việc.

- Phát triển kênh đào tạo online ALO BAC A BANK với chủ đề đa dạng, tiếp cận trên 1.000 lượt/năm trên ứng dụng Spotify.

- Tổ chức thi, kiểm tra kiến thức chuyên môn thường xuyên, trong đó nổi bật là "Hội thi kiến thức nghiệp vụ" nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Ngân hàng; Chương trình kiểm tra kiến thức chuyên môn - kiến thức định kỳ về Quy định tiền gửi và Cuộc thi Nghiệp vụ Kho quỹ, Câu lạc bộ RM (Relationship manager - Chuyên viên quan hệ khách hàng) với đơn vị phối hợp thu hút gần 1.000 cán bộ nhân viên tham gia; Câu lạc bộ RM định kỳ với hơn 1.500 cán bộ nhân viên tham gia.

- Tham gia dự án xây dựng Tiêu chuẩn chức danh và Khung năng lực, phần mềm Nhân sự Humax.

- Tổ chức chương trình đào tạo kỹ năng, chuyên môn nổi bật, đáp ứng tiến độ cập nhật kiến thức mới, mang lại hiệu quả cao: kỹ năng tin học văn phòng từ cơ bản đến nâng cao, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp…

2.3. Tình hình đầu tư

2.3.1. Tổng quan về tình hình đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính của BAC A BANK bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong đó, Ngân hàng chú trọng đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ với độ an toàn, thanh khoản cao, hạn chế đầu tư cổ phiếu nhằm giảm thiểu rủi ro. Tình hình đầu tư tài chính của Ngân hàng trong năm 2024 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm
1	Cổ phiếu	137	137	0,00%
2	Chứng chỉ tiền gửi	20.993	24.600	17,18%
3	Trái phiếu	10.434	9.264	-11,21%
	Trong đó: Trái phiếu CP	*4.127*	*3.696*	*-10,45%*
	Trái phiếu TCTD	*3.440*	*2.902*	*-15,65%*
	Trái phiếu TCKT	*2.866*	*2.666*	*-6,97%*
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	163	168	3,23%
	Tổng đầu tư	**31.727**	**34.169**	**7,70%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2024)

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng các khoản mục đầu tư tài chính của Ngân hàng là 34.169 tỷ đồng, tăng 7,70% so với năm 2023, chiếm tỷ trọng 20,65% trên tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu chiếm 27,11% tổng danh mục đầu tư, chứng chỉ tiền gửi chiếm 72,00%, còn lại là cổ phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn chỉ chiếm lần lượt 0,40% và 0,49% tổng danh mục đầu tư.

Ngân hàng chú trọng đầu tư chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành (chiếm tỷ trọng 72,00% trên tổng danh mục đầu tư) với độ an toàn cao. Đây là tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng của Ngân hàng với mức độ sinh lời hợp lý.

Tổng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn năm 2024 là 168 tỷ đồng, chiếm 0,49% tổng khoản mục đầu tư. Đối với hoạt động góp vốn đầu tư, Ngân hàng chú trọng ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, y tế, giáo dục và an sinh xã hội; đồng thời, thực hiện kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động các dự án/ công ty mà Ngân hàng góp vốn, kiên quyết thoái vốn khỏi các đơn vị làm ăn không hiệu quả và các đơn vị có lĩnh vực đầu tư không thuộc lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp khác. Mục tiêu của Ngân hàng là giảm dần việc góp vốn, mua cổ phần, đầu tư có hiệu quả chưa cao, cơ cấu lại các khoản góp vốn theo hướng tập trung vào các công ty, dự án có hiệu quả cao, phù hợp với định hướng khuyến khích đầu tư của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

2.3.2. Các công ty con

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á

Hoạt động chính của Công ty là tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

Trong năm qua, hoạt động của Công ty có một vài điểm nổi bật sau:

- Kết quả thu hồi nợ năm 2024 toàn Công ty là 71,27 tỷ đồng với 69 vụ việc được xử lý, giải quyết.

- Thực hiện hoàn thành 15.500 vụ việc thẩm định giá tài sản, toàn bộ các vụ việc thẩm định đều được hoàn thành trong thời hạn quy định, phần lớn đều đáp ứng được sự tin tưởng từ Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh và khách hàng.

❖ Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á

Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á được thành lập ngày 05 tháng 09 năm 2017. Sau thời gian 02 năm đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2019. Năm 2024, doanh số chi trả kiều hối của Công ty đạt khoảng 27,78 triệu USD, doanh thu từ hoạt động chi trả kiều hối đạt 253,20 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2024 đạt 3,39 tỷ đồng với nguồn thu chủ yếu vẫn đến từ hoạt động tài chính.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2024 của Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
1	**Quy mô vốn**			
	Vốn chủ sở hữu	10.868	11.782	8,41%
	Vốn điều lệ	8.334	8.959	7,50%
2	**Chất lượng tài sản**			
	Tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng	0,92%	1,24%	0,32%
	Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay khách hàng	1,85%	1,60%	-0,25%
	Quỹ dự phòng/Nợ xấu cho vay KH	131,02%	97,44%	-33,58%
3	**Khả năng thanh khoản**			
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	14,60%	11,95%	-2,65%
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	73,22%	72,85%	-0,37%
4	**Khả năng sinh lời**			
	ROA (LNST/TTS bình quân)	0,61%	0,64%	0,03%
	ROE (LNST/VCSH bình quân)	8,27%	8,93%	0,66%

(Nguồn: Tính toán từ số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2024)

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn chủ sở hữu

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2024

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	1.511	895.908.669	8.959.086.690.000	99,997%
1	*Tổ chức*	*11*	*32.244.553*	*322.445.530.000*	*3,599%*
2	*Cá nhân*	*1.500*	*863.664.116*	*8.636.641.160.000*	*96,398%*
II	Cổ đông nước ngoài	18	24.973	249.730.000	0,003%
1	*Tổ chức*	*3*	*331*	*3.310.000*	*0%*
2	*Cá nhân*	*15*	*24.642*	*246.420.000*	*0,003%*
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		**1.529**	**895.933.642**	**8.959.336.420.000**	**100%**

❖ Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng

STT	Cổ phiếu	31/12/2023	31/12/2024
1	*Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành*	*833.426.644*	*895.933.642*
2	*Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng*	*833.426.644*	*895.933.642*
	Cổ phiếu phổ thông	833.426.644	895.933.642
	Cổ phiếu ưu đãi		
3	*Số lượng cổ phiếu được mua lại*		
4	*Số lượng cổ phiếu đang lưu hành*	*833.426.644*	*895.933.642*
	Cổ phiếu phổ thông	833.426.644	895.933.642
	Cổ phiếu ưu đãi		
5	*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)*	*10.000*	*10.000*

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2024)

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BAC A BANK không tài trợ các dự án vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với công tác tiền lương, Ngân hàng đã hoàn thành việc tính lương tháng, các loại lương kinh doanh, thưởng và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động đảm bảo không có sai sót và đúng thời gian quy định. Hàng năm, bộ phận lương và chế độ phúc lợi của Ngân hàng đều thực hiện khảo sát tiền lương trên toàn hệ thống.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tổ chức cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đồng thời triển khai chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ cán bộ nhân viên của BAC A BANK, chương trình phúc lợi này được cán bộ nhân viên Ngân hàng hưởng ứng đánh giá cao.

2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Trải qua 30 năm thành lập, BAC A BANK luôn hướng tới tôn chỉ tối ưu lợi ích cộng đồng, chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động thiện nguyện. Năm 2024, BAC A BANK đã chi hơn 44 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội như: tài trợ giáo dục, y tế, ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và một số hoạt động khác.

❖ Tài trợ giáo dục

Về hoạt động giáo dục, Ngân hàng đã tài trợ gần 13,77 tỷ đồng cho lĩnh vực này trong năm 2024; trong đó, khoảng 13,75 tỷ đồng được Ngân hàng tài trợ xây dựng cơ sở vật chất, trường tiểu học và hỗ trợ các công tác giáo dục khác cho các em học sinh thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt. Một số chương trình tài trợ giáo dục nổi bật trong năm 2024 có thể kể đến như:

Trong khuôn khổ chương trình "Điều ước cho em" do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức trong mười năm (2021 - 2031), năm 2024, BAC A BANK tiếp tục phối hợp cùng Tập đoàn TH thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt tài trợ dự án 1.000 nhà vệ sinh dành cho các trường học vùng sâu, vùng xa và khó khăn trên toàn quốc với giá trị hơn 1,5 tỷ đồng.

Ngoài ra, cuối năm 2024, BAC A BANK phối hợp với Quỹ Vì Tầm Vóc Việt thông qua Báo Quân đội Nhân dân ủng hộ 6,5 tỷ đồng xây dựng Công trình "nhà lớp học 3 tầng tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông huyện Điện Biên". Công trình không chỉ là biểu tượng của sự sẻ chia, tri ân, mà còn là minh chứng rõ ràng nhất cho sự phối hợp chặt chẽ của Ngân hàng TMCP Bắc Á và Quỹ Vì Tầm Vóc Việt trong hành trình phát triển bền vững, nhân văn và trách nhiệm với cộng đồng.

❖ Hoạt động đền ơn đáp nghĩa và ủng hộ người nghèo

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Hội sở chính và các Chi nhánh BAC A BANK trên khắp cả nước đã phối hợp cùng với các Cơ quan, Đoàn thể tổ chức kêu gọi quyên góp, ủng hộ 22,95 tỷ đồng cho các hoạt động ủng hộ người nghèo, trong đó có một số chương trình nổi bật như:

Nhân dịp Tết Giáp Thìn 2024, BAC A BANK cùng Tập đoàn TH và Công ty TNHH Mía Đường Nghệ An (NASU) thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt (VSF) đã tiếp tục đồng hành cùng chương trình "Tết vì người nghèo" nhằm san sẻ một phần khó khăn, tiếp thêm động lực cho những cá nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Tổng giá trị trao tặng ủng hộ Chương trình lên đến 8 tỷ đồng, trong đó bao gồm hơn 7,3 tỷ đồng tiền mặt và 83.000 ly sữa tươi sạch TH true MILK.

Tháng 09/2024, ngay khi cơn bão số 3 (Yagi) đi qua, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã nhanh chóng có những hành động hỗ trợ đến đồng bào các tỉnh phía Bắc đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng như: Ủng hộ 2 tỷ đồng đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp với Tập đoàn TH, thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt trao 1 tỷ đồng và 30.000 sản phẩm TH hỗ trợ người dân tỉnh Cao Bằng khắc phục hậu quả của thiên tai…

Ngoài ra, các hoạt động ủng hộ người nghèo khác, Ngân hàng TMCP Bắc Á chủ yếu thực hiện tài trợ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Vì Tầm Vóc Việt. Cùng với đó, để hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, trong năm 2024, các Chi nhánh BAC A BANK cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên trẻ em nghèo, làng trẻ mồ côi trên địa bàn các tỉnh.

❖ Hoạt động ủng hộ, từ thiện khác

Ngoài các hoạt động nêu trên, Ngân hàng Bắc Á và các Đơn vị trực thuộc vẫn luôn thường xuyên tham gia, hưởng ứng và tài trợ các chương trình có ý nghĩa theo lời kêu gọi của các Cơ quan, ban ngành, tổ chức thiện nguyện trên khắp cả nước thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao của BAC A BANK đối với cộng đồng, xã hội. Tổng số tiền Ngân hàng tài trợ cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm 2024 là 7,37 tỷ đồng.

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

❖ Tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững

Trong các năm vừa qua, tổng tài sản và các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt mức tăng trưởng liên tục và ổn định. Từ năm 2020 đến 2024, tổng tài sản BAC A BANK đạt mức tăng trung bình là 9,05%/năm; tổng huy động vốn đạt mức tăng trung bình 9,26%/năm; dư nợ cho vay khách hàng tăng trung bình 8,50%/năm; lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trung bình là 7,52%/năm.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, các chỉ số an toàn hoạt động vẫn luôn được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành. Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng đạt 11,19% (quy định của NHNN là ≥8%), tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 72,85% (quy định của NHNN là ≤85%), tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng là 1,24%, tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 11,95% (quy định của NHNN là ≥10%).

❖ Tiếp tục phát triển theo đúng định hướng chiến lược đã đặt ra là một ngân hàng tư vấn đầu tư và cấp tín dụng cho các khách hàng trong các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục

Những năm qua, với phương châm sử dụng Trí tuệ Việt, Tài nguyên Thiên nhiên Việt kết hợp với Công nghệ đầu cuối của thế giới, Ngân hàng Bắc Á đã tham gia tư vấn đầu tư sản xuất sạch bằng việc đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Một số dự án tư vấn nổi bật trong năm 2024 là:

- Tham gia tư vấn Dự án Chăn nuôi bò sữa và Chế biến sữa TH tại làng Nikolo - Mikhailovka, quận Yakovlevsky, lãnh thổ Primorsky Krai, Liên bang Nga. Dự án có vốn đầu tư 19 tỷ RUB, tương đương hơn 5.200 tỷ đồng. Như vậy, sau những dấu mốc thành công tại tỉnh Kaluga và tỉnh Moscow, nơi các trang trại và nhà máy của Tập đoàn TH được coi là các dự án trọng điểm phát triển kinh tế của vùng, BAC A BANK tiếp tục tư vấn đầu tư cho TH có những bước đi mới trong hành trình đầu tư sang Liên bang Nga.

- Ngoài ra, Ngân hàng tiếp tục đồng hành cùng Tập đoàn TH với tư cách là nhà tư vấn đầu tư đối với nhóm các Dự án đặc thù như: Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao; sản xuất nước hoa quả, nước tinh khiết; dược liệu và thực phẩm chức năng; mía đường, sản xuất gạo và rau quả; phát triển rừng bền vững; giáo dục; y tế và chăm sóc sức khỏe.

❖ Phát triển mạng lưới rộng khắp

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 187 điểm trên địa bàn 46 tỉnh/ thành phố với 01 Hội sở chính, 59 Chi nhánh và 127 Phòng giao dịch.

Theo kế hoạch dự kiến năm 2025, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động thêm 07 Phòng giao dịch mới trên địa bàn các tỉnh/thành như: Phú Thọ, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định, Hoà Bình, Đắk Lắk và Hà Nội.

❖ Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ; trong đó, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như: dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong các năm gần đây, Ngân hàng đã giới thiệu đến khách hàng hàng loạt các sản phẩm, dịch vụ hấp dẫn, phục vụ các nhu cầu tài chính thiết yếu.

- **Các sản phẩm tín dụng mới linh hoạt, đa dạng**

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường, BAC A BANK tiếp tục cung cấp nhiều sản phẩm cho vay đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng.

Các sản phẩm tín dụng cho khách hàng cá nhân như: Cho vay sản xuất nông nghiệp trồng rau, hoa, quả; Cho vay bổ sung vốn kinh doanh; Cho vay xây sửa nhà; Cho vay mua bất động sản đã có giấy chứng nhận chủ quyền; Cho vay mua bất động sản tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; Cho vay cầm cố sổ tiết kiệm…;

Các sản phẩm tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp như: Cho vay mua ô tô, Cho vay bổ sung vốn lưu động, Cho vay Doanh nghiệp ngành Dược phẩm, thiết bị & vật tư y tế; Cho vay Trọn gói đối với dự án; Cho vay sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ…

Trong năm 2024, Ngân hàng đã triển khai thêm các sản phẩm, chương trình tín dụng đa dạng nhằm hỗ trợ tối đa cho nhu cầu vay vốn của khách hàng, cụ thể:

- Ngày 19/01/2024, BAC A BANK tiếp tục đồng hành cùng khách hàng cá nhân củng cố năng lực tài chính, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong 06 tháng đầu năm với chương trình ưu đãi lãi suất cho vay "Tiếp cận vốn nhanh - Dễ dàng chạm đích".

- Ngày 03/04/2024, Ngân hàng triển khai Chương trình ưu đãi lãi suất cho vay trung dài hạn “Tài chính vững vàng - Sẵn sàng bứt phá” với tổng hạn mức lên tới 3.000 tỷ đồng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt cơ hội để bứt phá kinh doanh.

- Ngày 21/09/2024, gói vay với hạn mức 1.500 tỷ đồng cùng lãi suất hấp dẫn, linh hoạt được Ngân hàng triển khai nhằm hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi bão Yagi sớm ổn định, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngày 1/10/2024, BAC A BANK chính thức triển khai sản phẩm Cho vay sản xuất kinh doanh nông nghiệp dành cho khách hàng cá nhân với hạn mức vay lên tới 10 tỷ đồng, tài trợ tối đa 100% nhu cầu vốn của khách hàng, phục vụ đa dạng mục đích sử dụng vốn với yêu cầu chung: phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Cũng trong tháng 10/2024, BAC A BANK dành tặng Khách hàng doanh nghiệp mức lãi suất hấp dẫn trong khuôn khổ Chương trình "Tiếp vốn nhanh - Kinh doanh bứt phá” với hạn mức 3.000 tỷ đồng, hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tận dụng nguồn tín dụng ưu đãi để kịp thời bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- **Các sản phẩm tiết kiệm**

BAC A BANK thường xuyên chú trọng đổi mới và hoàn thiện các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm nhằm phát triển quy mô Huy động vốn tại Ngân hàng. Tại ngày 31/12/2024, Huy động vốn thị trường 1 của BAC A BANK đạt mức 127.471 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,71% trên tổng huy động vốn.

Năm 2024, BAC A BANK tiếp tục triển khai hiệu quả các sản phẩm: “Tiết kiệm lực lượng vũ trang”, “Tiết kiệm người cao tuổi”, “Tiết kiệm Người xây tổ ấm”, “Tiết kiệm sinh lợi mỗi ngày” và “Tiền gửi trực tuyến” đã góp phần giúp Huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng 5,66% so với năm 2023.

- **Các chương trình tri ân khách hàng, khuyến mại hấp dẫn**

Với phương châm luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BAC A BANK không ngừng cung cấp những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng bằng giá trị gia tăng vượt trội.

Trong năm 2024, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt các Chương trình khuyến mại hấp dẫn, cạnh tranh như: Chương trình “Phí cạnh tranh - Kinh doanh bứt phá” áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ phí đối với các dịch vụ tài chính doanh nghiệp thiết yếu; Chương trình "Mở thẻ liền tay - Không lo về phí" dành cho

khách hàng mở thẻ tín dụng quốc tế BAC A BANK MasterCard; Chương trình "Chăm sóc khách hàng VIP tiền gửi cá nhân dịp Trung thu" bước sang năm thứ 5 triển khai liên tiếp; Chương trình nhân dịp sinh nhật BAC A BANK như: "30 năm gắn kết: Tài khoản như ý - Nhận quà mê ly"; "30 năm - Tâm sáng vươn xa"… với cơ hội nhận thưởng hấp dẫn luôn nhận được sự hưởng ứng tích cực từ đông đảo khách hàng.

Ngoài ra, BAC A BANK cũng đã liên kết với các đối tác cung cấp dịch vụ và mua sắm, thường xuyên triển khai các ưu đãi dành riêng cho các khách hàng là chủ thẻ của BAC A BANK như: Viettel, MobiFone, Vinaphone, Momo, VNpay, FPT, Airpay, QRPay, Lazada, Adayroi, Vietnam Airlines, Bamboo Airway, CGV Vietnam, BHD Star Cineplex…

❖ **Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**

Nhằm khuyến khích phong trào thi đua nội bộ và thúc đẩy doanh số hoạt động, BAC A BANK đã triển khai hàng loạt các chương trình thi đua trong năm 2024 như: "Đón năm Thìn - Nhận nghìn giải thưởng"; "BAC A BANK'S GOT TALENT - SME"; "Mừng sinh nhật - Gặt quà to"; "Đơn vị chung tay - Rinh ngay quà lớn"; "Chiến binh thần tốc - Đón lốc giải thưởng",…đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các đơn vị và cán bộ nhân viên.

Cũng trong năm 2024, BAC A BANK đã triển khai chuỗi các chương trình thi đua nội bộ của mô hình hợp tác kinh doanh Ngân hàng - Bảo hiểm như: "Thoả sức vi vu - Vòng quanh châu Á"; "Khởi động rộn ràng - Mừng tuổi vàng sang"; "Xuân rộn ràng - Muôn vàn giải thưởng"; "30 tuổi Xuân - Ngôi sao hội tụ"; "Chào hè sôi động cùng VBI Care"; "Tăng tốc ngoạn mục cùng Dai-ichi" … nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thành, vượt chỉ tiêu thu phí bảo hiểm và thúc đẩy công tác thu phí chung của toàn hàng năm 2024.

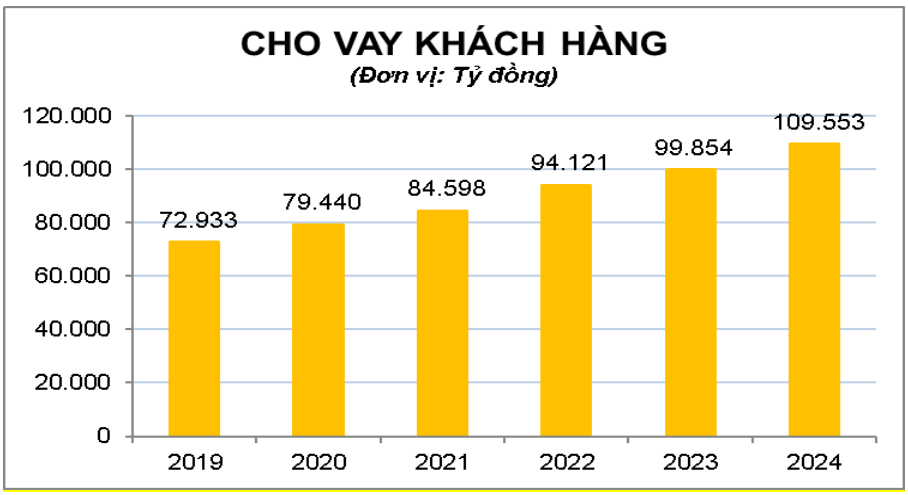
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

3.2.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, tín dụng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2024, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

❖ **Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng**

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các khách hàng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã ưu tiên nguồn vốn tín dụng và tư vấn đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sữa tươi sạch…



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2019 đến 2024)

Trong giai đoạn vừa qua, tổng dư nợ cho vay khách hàng của BAC A BANK liên tục tăng trưởng. Năm 2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 109.553 tỷ đồng, tăng 9.699 tỷ đồng, tương ứng tăng 9,71% so với năm 2023. Trong đó, Ngân hàng ưu tiên nguồn vốn cấp tín dụng cho các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục; hạn chế cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Mặc khác, Ngân hàng chú trọng duy trì sự cân đối giữa cho vay và huy động về cả quy mô, kỳ hạn và loại tiền, đảm bảo sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kì, đảm bảo cân đối về kỳ hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN (tại 31/12/2024, tỷ lệ này là 72,85%).

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, việc nâng cao chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Ngân hàng luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Tại thời điểm cuối năm 2024, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của Ngân hàng là 1,24% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

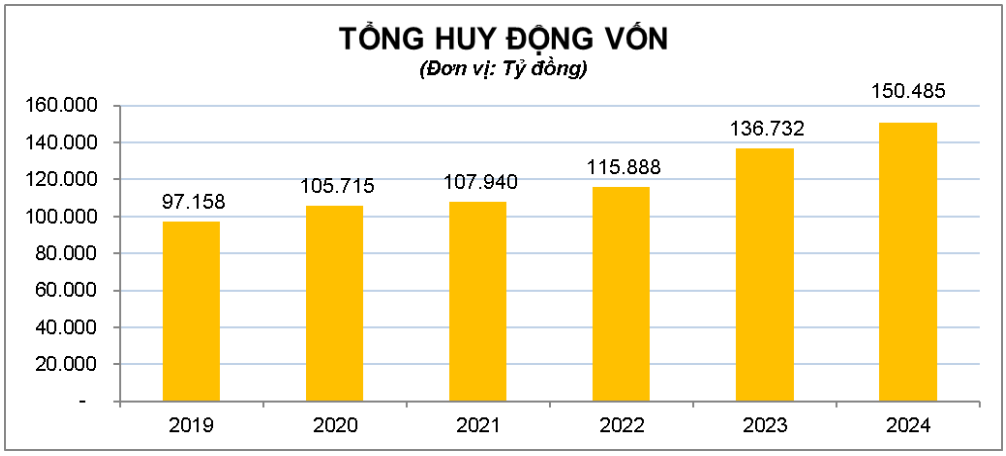
❖ **Ngân hàng thực hiện đầu tư linh hoạt, hiệu quả**

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư chứng chỉ tiền gửi với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt với mức sinh lời hợp lý. Ngân hàng chủ trương không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng thì việc đầu tư vào trái phiếu là tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng; đồng thời, cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

❖ **Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững**

Huy động vốn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, bởi đây là nguồn vốn khả dụng chủ yếu cho các hoạt động tín dụng và đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã triển khai các Chương trình khuyến mại hấp dẫn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng, đồng thời đẩy mạnh công tác thương hiệu nhằm thu hút khách hàng.



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2019 đến 2024)

Năm 2024, tổng huy động vốn của Ngân hàng đạt 150.485 tỷ đồng, tăng trưởng 10,06% so với năm 2023. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 là 127.471 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,71% trên tổng huy động vốn. Huy động từ thị trường 2 tại thời điểm 31/12/2024 là 23.014 tỷ đồng, chỉ chiếm tỷ trọng 15,29% tổng huy động vốn. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua, Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; bên cạnh đó, không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu sẽ trở thành một ngân hàng đa năng có quy mô vừa, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và ưu tiên cho vay các khách hàng trong lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK sẽ thúc đẩy toàn diện mọi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2025 là:

(1) - Về công tác huy động vốn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế, khuyến khích tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện các giải pháp để tăng quy mô và tăng huy động kỳ hạn dài, tăng tỷ trọng huy động vốn TCKT, từng bước giảm dần giá vốn; Xây dựng gói chính sách ưu đãi, hấp dẫn song song với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng VIP, tiến hành phân lớp khách hàng chi tiết hơn để thúc đẩy huy động vốn trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

(2) - Về hoạt động cho vay và xử lý nợ xấu: Thực hiện cho vay theo định hướng của HĐQT và mức tăng trưởng được giao của NHNN; Tăng cường giám sát hoạt động cho vay để đảm bảo chất lượng tín dụng, đôn đốc thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu; Đẩy mạnh công tác hỗ trợ tín dụng để thúc đẩy tín dụng tại các Chi nhánh. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, duy trì tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch đề ra, trích lập dự phòng rủi ro đủ theo quy định.

(3) - Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ hiện có, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài để bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tiếp tục rà soát xây dựng, bổ sung đầy đủ và hoàn thiện các chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển dụng.

(4) - Về hoạt động tư vấn đầu tư: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn đầu tư gồm các nội dung tư vấn như: Lập báo cáo đầu tư cho các dự án; Tư vấn cấp giấy chứng nhận đầu tư/quyết định chủ trương đầu tư; Tư vấn lập đề án/phương án sản xuất kinh doanh; Tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý; Tư vấn thu xếp vốn; Tư vấn về các chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư như: thuế, đất đai, môi trường, các chính sách hỗ trợ đầu tư… Phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư đã đề ra từ đầu năm.

(5) - Về hoạt động dịch vụ: Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ tầng công nghệ. Tiếp tục đẩy mạnh Dự án ngân hàng số và Thẻ tín dụng.

(6) - Quản lý chi phí: Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chi phí hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống. Tăng cường quản lý chi phí thường xuyên, giám sát thực hiện các quy định thu chi nội bộ, tổng hợp đánh giá hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

(7) - Phát triển mạng lưới: Khẩn trương hoàn thành xây dựng cải tạo địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và tuyển dụng nhân sự để đưa các Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được cấp phép đi vào hoạt động sớm. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát khả năng mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, hoàn thành các thủ tục xin cấp phép theo kế hoạch đề ra.

(8) - Công nghệ thông tin: Tiếp tục đầu tư để phát triển hệ thống công nghệ thông tin, duy trì hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật; Cải tiến các tính năng hiện có để nâng cao tính tiện dụng các nghiệp vụ hiện tại, đầu tư bổ sung các tính năng mới để đáp ứng tốc độ phát triển của ngân hàng; Xây dựng lộ trình cải tiến công nghệ phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện nay.

(9) - Quản trị rủi ro: Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa, cảnh báo rủi ro, phát hiện kịp thời các sai phạm về hoạt động kinh doanh. Tham gia quá trình kiểm soát rủi ro đối với từng sản phẩm, từng quy trình, quy chế hoạt động vận hành tác nghiệp; Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong năm và triển khai thực hiện, chú trọng vào những đơn vị, những mảng nghiệp vụ có đánh giá mức độ rủi ro cao; Xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

(10) - Truyền thông quảng bá thương hiệu: Thực hiện tốt công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, công tác xã hội, thiện nguyện, tham gia các giải thưởng bình chọn của một số tổ chức uy tín trong nước và quốc tế nhằm tiếp tục nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế thương hiệu BAC A BANK trên thị trường.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Năm 2024 chứng kiến nhiều biến động của tình hình thế giới. Những điểm nóng xung đột (Nga - Ukraine; xung đột tại dải Gaza, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên) cùng với cạnh tranh của các cường quốc trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, tình hình kinh tế toàn cầu tiếp tục chu kỳ phục hồi, lạm phát mặc dù đã có những bước cải thiện đáng kể so với năm 2023 nhưng tiến trình vẫn còn chậm, song vẫn tạo tiền đề cho nhiều nền kinh tế lớn bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất, giúp nới lỏng các điều kiện tài chính.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025 mà Nghị quyết Đại hội XIII đề ra, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát sao tình hình, sự thay đổi chính sách của các nước trên thế giới để kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp vĩ mô phù hợp. Nhờ đó, nền kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo.

Bên cạnh sự chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, NHNN cũng đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách, góp phần ổn định thị trường tài chính tiền tệ, thanh khoản hệ thống ngân hàng được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới .

Trong bối cảnh đó, BAC A BANK tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành và toàn hệ

thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại và nỗ lực hoàn thành những kết quả quan trọng như sau:

- ***Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2024***

Toàn hệ thống BAC A BANK đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024; trong đó, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch và đạt cao nhất so với các năm trước đây gồm: Huy động vốn thị trường 1 đạt 127.471 tỷ đồng, vượt 1.239 tỷ đồng so với kế hoạch kinh doanh; Dư nợ cho vay khách hàng đạt 109.553 tỷ đồng, tăng 9,71% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.011 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, BAC A BANK luôn tuân thủ các chỉ tiêu liên quan an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh (ROE, ROA) của Ngân hàng nằm trong nhóm ngân hàng TMCP có chỉ số ổn định.

- ***Đẩy mạnh thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025***

Ngày 13/10/2023, BAC A BANK chỉnh sửa và ban hành lại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025 theo yêu cầu của NHNN; theo đó, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung trong Phương án cơ cấu lại để đạt mục tiêu trở thành một ngân hàng có quy mô vừa, tăng trưởng lành mạnh, chất lượng và hiệu quả cao, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh… Đến cuối năm 2024, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành các nội dung mục tiêu, kế hoạch đã đề ra cho năm 2024 theo lộ trình thực hiện của Phương án.

- ***Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự***

Đến 31/12/2024, BAC A BANK có mạng lưới 187 điểm giao dịch tại 46 tỉnh thành trên toàn quốc với đội ngũ cán bộ nhân viên 3.886 người, cơ cấu tổ chức bộ máy được củng cố, nâng cấp, sắp xếp lại phù hợp.

Trong năm 2024, BAC A BANK được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cấp phép và đã hoàn thành mở rộng mạng lưới hoạt động thêm 12 điểm giao dịch gồm 04 Chi nhánh tại địa bàn các tỉnh Sơn La, Quảng Nam, Tây Ninh và Đắk Nông cùng 08 Phòng giao dịch tại địa bàn các tỉnh/thành cả nước là Hà Nội, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà. Dự kiến trong năm 2025, BAC A BANK sẽ mở rộng mạng lưới thêm 07 Phòng giao dịch mới.

- ***Năm tiếp nối thành công của các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư***

Năm 2024 là năm tiếp nối thành công của các Dự án thuộc Tập đoàn TH do BAC A BANK tư vấn đầu tư; theo đó, tháng 05/2024, Tập đoàn TH khởi công dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa có tổng vốn đầu tư 19 tỷ RUB (hơn 5.200 tỷ đồng) tại lãnh thổ Primorsky Krai (Viễn Đông, Liên bang Nga). Dự án bao gồm: xây dựng 1 trang trại quy mô 6.000 con bò vắt sữa (tổng đàn 12.000 con); xây dựng nhà máy chế biến sữa công suất 250 tấn/ngày; khai thác vùng nguyên liệu rộng 13.000 ha. Đây là dấu mốc quan trọng trong tiến trình thực hiện Tổ hợp dự án sữa của TH tại Liên bang Nga, tiếp nối thành công tại tỉnh Kaluga và tỉnh Moscow, nơi các trang trại và nhà máy TH được coi là các dự án trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh.

Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp tục thực hiện vai trò tư vấn đầu tư cho các dự án nông nghiệp công nghệ cao, phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt, các dự án thuộc lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục,... Các dự án này được triển khai với lộ trình bài bản nhằm hướng tới xây dựng một cuộc sống hạnh phúc đích thực cho người Việt.

- ***Các giải thưởng được trao tặng***

Năm 2024, Lãnh đạo, các cá nhân và tập thể Ngân hàng tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng có uy tín. Bà Thái Hương - Tổng Giám Đốc BAC A BANK được trao tặng giải thưởng “Top 10 Nhà quản lý giỏi Asean 2024”; “Nhà lãnh đạo xuất sắc Châu Á - Asia Leader Excellent 2024”; “Doanh nhân xuất sắc Châu Á 2024”. Bên cạnh đó, BAC A BANK đã vinh dự được UBND Tỉnh Nghệ An trao tặng bằng khen vì “Đã có nhiều thành tích trong hoạt động Ngân hàng Thương mại cổ phần, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An”; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trao tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2022 - 2023”.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ra nhiều ý kiến xây dựng quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Năm 2024, trước những thách thức, khó khăn riêng của nền kinh tế thế giới nói chung, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban Điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở bám sát các định hướng của Hội đồng Quản trị cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ, Ngân hàng đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới. Công nghệ đang dần ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách vận hành ngân hàng và công tác quản trị nguồn nhân lực cũng như ngày càng liên quan mật thiết đến cách thức ngân hàng kết nối với khách hàng. Nắm bắt xu hướng đó, BAC A BANK đã và đang chủ động xây dựng, phát triển mô hình ngân hàng số, trước mắt là tập trung đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 để đạt mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu tại Việt Nam.

BAC A BANK tiếp tục phát huy thế mạnh tư vấn đầu tư và cho vay đối với các lớp khách hàng phát triển chuyên sâu và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, phù hợp với xu hướng thị trường; phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo sát sao Ban Điều hành và toàn hệ thống nỗ lực tối đa triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Các nội dung cơ bản trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị gồm:

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng lành mạnh, an toàn, có chất lượng và hiệu quả về quy mô hoạt động kinh doanh. Cụ thể: Tiếp tục triển khai tăng Vốn điều lệ theo lộ trình để đảm bảo đáp ứng đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Đẩy mạnh tăng trưởng huy động vốn khách hàng và chuyển dịch theo hướng tăng huy động vốn với kỳ hạn linh hoạt phù hợp theo nhu cầu sử dụng vốn; Tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, đảm bảo chất lượng tín dụng, quyết liệt xử lý nợ xấu; Tiếp tục cơ cấu lại danh mục tài sản, công nợ, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; Phát triển hệ thống mạng lưới, các kênh phân phối, phát triển thị trường và sản phẩm dịch vụ bán lẻ, tăng mức thu dịch vụ; Tiếp tục nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu, tham gia các giải thưởng, bình chọn uy tín.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị phù hợp với các chuẩn mực hiện nay, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động để ngăn ngừa và phát hiện các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.

- Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về phát triển và công tác quản trị của Ngân hàng.

- Triển khai đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của thu nhập và lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Khai thác thu dịch vụ từ hoạt động thế mạnh là dịch vụ tư vấn đầu tư. Thúc đẩy việc thực hiện Dự án Ngân hàng số.

- Tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	02
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06 - 54
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 54

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, đã được cấp đổi theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/04/2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 38 ngày 27/02/2024.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch	
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch	
Ông Võ Văn Quang	Thành viên	
Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên	
Bà Hoàng Hồng Hạnh	Thành viên độc lập	(Từ ngày 27/04/2024)
Ông Nguyễn Hữu Phàng	Thành viên độc lập	(Đến ngày 27/04/2024)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	
Bà Trần Thị Khánh Chi	Thành viên	(Từ ngày 27/04/2024)
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên	(Từ ngày 27/04/2024)
Ông Thái Đình Long	Thành viên	(Đến ngày 27/04/2024)
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên	(Đến ngày 27/04/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thái Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
Số 117 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 54. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

Thái Hương
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 250325.011/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 54, bao gồm: báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Nguyễn Thị Lan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3655-2021-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**5**	**566.596**	**616.570**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**6**	**798.225**	**887.264**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**7**	**16.023.622**	**15.362.500**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		12.454.527	13.602.238
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		3.569.095	1.760.262
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**8**	**24.599.926**	**20.992.851**
1	Chứng khoán kinh doanh		24.599.926	20.992.851
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**9**	**184.066**	**-**
VI	**Cho vay khách hàng**		**108.228.371**	**98.654.289**
1	Cho vay khách hàng	10	109.552.804	99.853.975
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(1.324.433)	(1.199.686)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	**12**	**9.380.559**	**10.548.824**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		9.400.555	10.570.319
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(19.996)	(21.495)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**13**	**146.156**	**142.530**
4	Đầu tư dài hạn khác		168.105	162.845
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(21.949)	(20.315)
X	**Tài sản cố định**		**1.058.591**	**1.052.987**
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	171.659	176.559
a	*Nguyên giá TSCĐ*		*518.530*	*505.197*
b	*Hao mòn TSCĐ*		*(346.871)*	*(328.638)*
3.	Tài sản cố định vô hình	15	886.932	876.428
a	*Nguyên giá TSCĐ*		*1.012.665*	*987.113*
b	*Hao mòn TSCĐ*		*(125.733)*	*(110.685)*
XI	**Bất động sản đầu tư**	**16**	**3.683**	**3.683**
a	Nguyên giá BĐSĐT		3.683	3.683
XII	**Tài sản Có khác**	**17**	**4.496.898**	**3.981.573**
1	Các khoản phải thu		299.819	292.705
2	Các khoản lãi, phí phải thu		4.125.759	3.625.739
4	Tài sản Có khác		71.320	63.129
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		**165.486.693**	**152.243.071**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước**	**18**	**7.504**	**24.116**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		7.504	24.116
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**19**	**11.881.039**	**11.158.753**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		11.776.283	10.790.439
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		104.756	368.314
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**20**	**122.549.687**	**118.476.923**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**		**-**	**97.173**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	**21**	**25.652**	**9.807**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**22**	**16.020.800**	**7.062.350**
VII	**Các khoản nợ khác**		**3.219.561**	**4.545.690**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.456.206	4.121.944
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	23	763.355	423.746
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**153.704.243**	**141.374.812**
VIII	**Vốn chủ sở hữu**	**24**	**11.782.450**	**10.868.259**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		9.066.625	8.441.555
a	*Vốn điều lệ*		*8.959.336*	*8.334.266*
c	*Thặng dư vốn cổ phần*		*107.289*	*107.289*
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		1.045.470	918.864
5	Lợi nhuận chưa phân phối		1.670.355	1.507.840
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**165.486.693**	**152.243.071**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	38	1.188.176	1.032.429
2	Cam kết giao dịch hối đoái	38	96.172.077	71.861.468
a	*Cam kết mua ngoại tệ*		*16.809.800*	*10.336.200*
b	*Cam kết bán ngoại tệ*		*6.759.800*	*6.858.391*
c	*Cam kết giao dịch hoán đổi*		*72.602.477*	*54.666.877*
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	38	1.330.645	115.636
5	Bảo lãnh khác	38	1.221.016	479.721
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	39	692.361	562.610
8	Nợ khó đòi đã xử lý	40	2.488.783	2.410.927

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Trang Liên	Nguyễn Hồng Yến	Thái Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	11.812.113	13.384.284
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(8.490.903)	(10.995.013)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**3.321.210**	**2.389.271**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		150.014	137.774
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(44.433)	(32.922)
II	**Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ**	**27**	**105.581**	**104.852**
III	**Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**28**	**(68.252)**	**115.346**
V	**Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**29**	**283.676**	**319.652**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		27.292	99.206
6	Chi phí hoạt động khác		(21.182)	(9.653)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**30**	**6.110**	**89.553**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**31**	**12.638**	**27.639**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**32**	**(2.249.272)**	**(1.832.911)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**1.411.691**	**1.213.402**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**(151.413)**	**(152.568)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**1.260.278**	**1.060.834**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(249.023)	(206.385)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(82)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(249.023)**	**(206.467)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**1.011.255**	**854.367**
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Ngân hàng		**1.011.255**	**854.367**
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)**	**34**	**1.129**	**850**

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Trang Liên	Nguyễn Hồng Yến	Thái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		9.370.662	11.539.198
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(10.134.901)	(9.497.433)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		105.581	104.852
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.088.030	1.636.782
05	Thu nhập khác		(13.883)	(3.470)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		15.029	92.723
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.998.464)	(1.933.782)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(262.060)	(170.915)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**(830.006)**	**1.767.955**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(1.358.834)	(902.684)
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.037.801)	(13.718.244)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(184.066)	103.023
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(9.698.829)	(5.733.375)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản		(26.531)	(6.133)
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		53.524	261.126
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		(16.612)	(28.468)
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		722.286	68.614
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		4.072.764	21.572.322
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		5.700.000	(2.100.531)
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		15.845	6.687
20	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(97.173)	97.173
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		187.249	(31.657)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(131.480)	-
I	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(3.629.664)**	**1.355.808**
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Mua sắm tài sản cố định		(51.776)	(338.148)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		137	300
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(5.260)	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		12.638	27.639
II	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(44.261)**	**(310.209)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	300.294
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		3.500.000	1.325.000
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(263.290)	-
III	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.236.710**	**1.625.294**
IV	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(437.215)**	**2.670.893**
V	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm**		**15.206.324**	**12.535.431**
VII	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm**	**35**	**14.769.109**	**15.206.324**

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Trang Liên	Nguyễn Hồng Yến	Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng có thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, đã được cấp đổi theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/04/2019.

Ngành nghề kinh doanh

Ngân hàng được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng và bao thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Ví điện tử;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Mua nợ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.959.336.420.000 VND (Tám nghìn chín trăm năm mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.334.266.440.000 VND).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, năm mươi chín (59) chi nhánh và hai (02) công ty con.

Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có các công ty con như sau:

Công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tỉ lệ sở hữu*
Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á	Cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100,00%

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng và các công ty con có 3.886 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.680 nhân viên).

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 . Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2.2 . Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con là đồng Việt Nam (VND). Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("Triệu VND"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng.

3 . CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 . Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 . Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN và Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN được ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm: Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 . Giả định hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 . Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.5 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và Báo cáo tài chính của các công ty con do Ngân hàng kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 . Thay đổi về chính sách kế toán

Các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ:

- Ngày 30 tháng 06 năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về việc phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31"). Thông tư 31 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

- Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Nghị định 86 có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 07 năm 2024.

- Theo Thông tư 31, Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ("Thông tư 11") do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư 31 có hiệu lực thi hành.

- Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 kể từ ngày Thông tư 31 và Nghị định 86 có hiệu lực thi hành.

- Việc áp dụng các yêu cầu về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của Thông tư 31 và Nghị định 86 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 . Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.3 . Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa 03 tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11, Thông tư 31 và Nghị định 86. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 4.4.

Theo Thông tư 11 và Nghị định 86, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4 . Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Trước ngày 01 tháng 07 năm 2024, việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 11.

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 31.

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư 31, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 ("Thông tư 02") và Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18/06/2024 ("Thông tư 06") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ trước thời điểm cơ cấu đối với các khoản nợ phát sinh trước ngày 24/04/2023 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24/04/2023 đến hết ngày 31/12/2024, đồng thời đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 06.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: *Nợ trong hạn và Nợ quá hạn* dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Trước ngày 11 tháng 07 năm 2024, việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo quy định của Thông tư 11.

Từ ngày 11 tháng 07 năm 2024, việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo quy định của Nghị định 86.

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung được lập hàng tháng theo quy định tại Nghị định 86.

Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản bảo đảm. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02, Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích lập bổ sung như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 và Nghị định 86: (A)
- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02 và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 11 và Nghị định 86: (B)
- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) - (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:
  + Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  + Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 theo quy định tại Nghị định 86.

Xử lý nợ xấu

Theo Nghị định 86, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

4.5 . Các khoản đầu tư

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Ngân hàng và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
  - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị trường hoặc giá thỏa thuận;
  - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

c) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán có thời gian nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm và Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc nhưng Ngân hàng không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư. Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

d) Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán (không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định như sau:
  - Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
  - Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.
- Trường hợp chứng khoán đã được niêm yết trên thị trường hoặc cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng; chứng khoán bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng thì mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UPCom), Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng thực hiện tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo mệnh giá và thời hạn của trái phiếu trừ (-) số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28/08/2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16/06/2016 và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/08/2017 và Thông tư số 32/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư và vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm cuối kỳ kế toán nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.6 . Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi vào khoản mục "Các khoản phải thu" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 13 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 11 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm
- Phần mềm máy vi tính 03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp.

4.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, không thực hiện trích khấu hao.

4.9 . Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Ngân hàng là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10 . Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (Xem Thuyết minh số 4.4).

4.11 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.12 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.13 . Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

4.14 . Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

4.15 . Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Ngân hàng phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

4.16 . Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Trước ngày 01 tháng 07 năm 2024

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ("Nghị định 93") ngày 07 tháng 08 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng do Chính phủ Việt Nam ban hành, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định mức tối đa

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Quốc hội Việt Nam ban hành và Nghị định 93, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định mức tối đa

Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Ngân hàng. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Ngân hàng có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Ngân hàng và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4.17 . Thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được tiền.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư của Ngân hàng được xác định. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

4.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngân hàng được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.19 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.20 . Các khoản mục ngoại bảng

Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên các chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày có hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Ngân hàng có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 31, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh số 4.4) để thực hiện quản lý.

4.21 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.22 . Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.23 . Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá đã phát hành, các khoản nợ phải trả phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.24 . Các bên liên quan

Người có liên quan của Ngân hàng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ của Ngân hàng;
- Công ty con của Ngân hàng;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Ngân hàng nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Ngân hàng một cách toàn diện.

5 . Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	522.970	573.075
Tiền mặt bằng ngoại tệ	43.626	43.495
	566.596	**616.570**

6 . Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	798.225	887.264
- *Bằng VND*	*796.636*	*867.429*
- *Bằng ngoại tệ*	*1.589*	*19.835*
	798.225	**887.264**

7 . Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại TCTD khác	12.454.527	13.602.238
Cho vay các TCTD khác	3.569.095	1.760.262
Dự phòng rủi ro	-	-
	16.023.622	**15.362.500**

7.1 . Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	6.328.677	7.325.673
- *Bằng VND*	*4.965.505*	*4.934.737*
- *Bằng ngoại tệ*	*1.363.172*	*2.390.936*
Tiền gửi có kỳ hạn	6.125.850	6.276.565
- *Bằng VND*	*6.100.000*	*6.250.000*
- *Bằng ngoại tệ*	*25.850*	*26.565*
	12.454.527	**13.602.238**

7.2 . Cho vay các TCTD khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay bằng VND	3.569.095	1.760.262
- Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu	*3.119.095*	*1.760.262*
	3.569.095	**1.760.262**

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	9.694.945	8.036.827
	9.694.945	**8.036.827**

8 . Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	***24.599.926***	***20.992.851***
Chứng chỉ tiền gửi	24.599.926	20.992.851
	24.599.926	**20.992.851**

Phân tích chất lượng dư nợ chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	24.599.926	20.992.851
	24.599.926	**20.992.851**

Thuyết minh tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	24.599.926	20.992.851
- *Chưa niêm yết*	*24.599.926*	*20.992.851*
	24.599.926	**20.992.851**

9 . Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản	Công nợ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**184.066**	**184.066**	**-**
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	***184.066***	***184.066***	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	184.066	184.066	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	**97.173**	**-**	**97.173**
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	***97.173***	-	***97.173***
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	97.173	-	97.173

10 . Cho vay khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	109.552.476	99.853.622
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	240	240
Cho vay khác	88	113
	109.552.804	**99.853.975**

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	107.804.232	98.002.661
Nợ cần chú ý	389.411	935.647
Nợ dưới tiêu chuẩn	194.360	170.642
Nợ nghi ngờ	270.901	229.532
Nợ có khả năng mất vốn	893.900	515.493
	109.552.804	**99.853.975**

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	51.798.983	47.552.306
Nợ trung hạn	15.368.916	14.446.715
Nợ dài hạn	42.384.905	37.854.954
	109.552.804	**99.853.975**

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	20.183.435	17.785.384
Khai khoáng	805.205	803.712
Công nghiệp chế biến, chế tạo	36.207.536	36.859.001
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.107.280	1.209.830
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1.281.571	1.678.733
Xây dựng	6.257.916	5.552.264
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12.608.320	10.435.166
Vận tải kho bãi	924.127	762.787
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	617.362	131.807
Thông tin và truyền thông	82.248	74.860
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	207.621	412.678
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.557.890	5.630.557
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	56.543	25.347
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	111.237	127.114
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	14.987
Giáo dục và đào tạo	885.080	938.861
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	40.972	24.261
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	259.685	257.997
Hoạt động dịch vụ khác	15.605.387	12.036.111
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.753.121	5.090.988
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	268	1.530
	109.552.804	**99.853.975**

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế	35.614.010	31.557.610
- *Công ty TNHH*	*12.434.963*	*10.787.250*
- *Công ty Cổ phần*	*23.163.733*	*20.740.161*
- *Doanh nghiệp tư nhân*	*3.738*	*8.307*
- *Công ty hợp danh*	*153*	-
- *Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã*	*11.423*	*21.892*
Cho vay cá nhân, hộ kinh doanh	73.938.794	68.296.365
	109.552.804	**99.853.975**

11 . Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung	(814.942)	(745.039)
Dự phòng cụ thể	(509.491)	(454.647)
	(1.324.433)	**(1.199.686)**

Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Năm nay			
Số dư đầu năm	(745.039)	(454.647)	(1.199.686)
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm	(90.331)	(184.520)	(274.851)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	20.428	103.010	123.438
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	26.666	26.666
Số dư cuối năm	**(814.942)**	**(509.491)**	**(1.324.433)**
Năm trước			
Số dư đầu năm	(702.739)	(344.379)	(1.047.118)
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm	(72.511)	(123.201)	(195.712)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	30.211	12.933	43.144
Số dư cuối năm	**(745.039)**	**(454.647)**	**(1.199.686)**

12 . Chứng khoán đầu tư

12.1 . Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	9.264.055	10.433.819
- *Chứng khoán Chính phủ*	*3.695.935*	*4.127.430*
- *Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành*	*2.902.018*	*3.440.390*
- *Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành*	*2.666.102*	*2.865.999*
Chứng khoán Vốn	136.500	136.500
- *Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành*	*136.500*	*136.500*
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(19.996)	(21.495)
- *Dự phòng chung*	*(19.996)*	*(21.495)*
	9.380.559	**10.548.824**

12.2 . Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.568.120	6.306.389
	5.568.120	**6.306.389**

13 . Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	168.105	162.845
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(21.949)	(20.315)
	146.156	**142.530**

13.1 . Chi tiết các khoản đầu tư như sau

Các khoản đầu tư	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Tỷ lệ nắm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ nắm giữ
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Các khoản đầu tư dài hạn khác	**168.105**		**162.845**	
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	115.500	4,91	115.500	4,91
- Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2.000	0,83	2.000	0,83
- Tổng công ty MBLand	1.676	0,26	1.676	0,26
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	6,11	19.780	6,11
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	10,00	2.000	10,00
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.889	0,50	21.889	0,50
- Công ty Cổ phần Xếp hạng tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	5.260	5,10	-	-
	168.105		**162.845**	

13.2 . Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	**(21.949)**	**(20.315)**
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	(18.183)	(18.315)
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	(2.000)	(2.000)
- Công ty Cổ phần Xếp hạng tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	(1.766)	-
	(21.949)	**(20.315)**

14. Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm nay:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.891	236.759	135.083	60.464	505.197
- Mua sắm trong năm	2.191	22.399	5.893	5.330	35.813
- Thanh lý, nhượng bán	(2.829)	(1.563)	(2.074)	(6.424)	(12.890)
- Giảm khác	(9.590)	-	-	-	(9.590)
Số dư cuối năm	**62.663**	**257.595**	**138.902**	**59.370**	**518.530**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	41.039	160.535	76.232	50.832	328.638
- Khấu hao trong năm	2.608	18.483	10.610	4.250	35.951
- Thanh lý, nhượng bán	(2.491)	(1.590)	(2.074)	(6.384)	(12.539)
- Giảm khác	(5.179)	-	-	-	(5.179)
Số dư cuối năm	**35.977**	**177.428**	**84.768**	**48.698**	**346.871**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.852	76.224	58.851	9.632	176.559
Tại ngày cuối năm	**26.686**	**80.167**	**54.134**	**10.672**	**171.659**

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	197.591	190.616

15 . Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm nay:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	832.539	154.574	987.113
- Mua trong năm	-	15.962	15.962
- Tăng khác	9.590	-	9.590
Số dư cuối năm	**842.129**	**170.536**	**1.012.665**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.621	101.064	110.685
- Khấu hao trong năm	814	14.234	15.048
Số dư cuối năm	**10.435**	**115.298**	**125.733**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	822.918	53.510	876.428
Tại ngày cuối năm	**831.694**	**55.238**	**886.932**

Các thông tin về TSCĐ vô hình đặc biệt:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá của TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	83.578	76.003

16 . Bất động sản đầu tư

Tình hình về bất động sản đầu tư năm nay:

	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.683	3.683
Số dư cuối năm	**3.683**	**3.683**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	**-**	**-**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3.683	3.683
Tại ngày cuối năm	**3.683**	**3.683**

17 . Tài sản Có khác

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Các khoản phải thu	299.819	292.705
Các khoản lãi, phí phải thu	4.125.759	3.625.739
Tài sản có khác	71.320	63.129
	4.496.898	**3.981.573**

17.1 . Các khoản phải thu

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	59.447	27.460
Thuế GTGT được khấu trừ	574	649
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.423	2.423
Các khoản phải thu nội bộ	69.366	139.354
Các khoản phải thu bên ngoài	168.009	122.819
	299.819	**292.705**

17.2 . Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	17.029	10.169
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	842.238	1.317.192
Lãi phải thu từ cho vay	3.237.190	2.201.497
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	27.245	96.072
Phí phải thu	2.057	809
	4.125.759	**3.625.739**

17.3 . Tài sản có khác

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Công cụ dụng cụ, vật liệu	30.114	31.822
Chi phí chờ phân bổ	41.206	31.307
	71.320	**63.129**

18 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	***7.504***	***24.116***
Vay theo hồ sơ tín dụng	7.504	24.116
	7.504	**24.116**

19 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi của các TCTD khác	***11.776.283***	***10.790.439***
Tiền gửi không kỳ hạn	4.901.283	4.898.939
- *Bằng VND*	*4.901.283*	*4.898.939*
Tiền gửi có kỳ hạn	6.875.000	5.891.500
- *Bằng VND*	*6.400.000*	*5.650.000*
- *Bằng ngoại tệ*	*475.000*	*241.500*
Vay các TCTD khác	***104.756***	***368.314***
- Bằng VND	104.057	367.564
- Bằng ngoại tệ	699	750
	11.881.039	**11.158.753**

20 . Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	3.433.196	5.127.370
- *Bằng VND*	*3.383.366*	*5.111.988*
- *Bằng ngoại tệ*	*49.830*	*15.382*
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	118.967.213	113.228.407
- *Bằng VND*	*118.893.338*	*113.155.020*
- *Bằng ngoại tệ*	*73.875*	*73.387*
Tiền gửi vốn chuyên dùng	27	27
- *Bằng ngoại tệ*	*27*	*27*
Tiền gửi ký quỹ	149.251	121.119
- *Bằng VND*	*148.922*	*118.487*
- *Bằng ngoại tệ*	*329*	*2.632*
	122.549.687	**118.476.923**

Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	5.321.631	6.923.038
- *Doanh nghiệp Nhà nước*	*209.185*	*344.686*
- *Công ty TNHH*	*1.384.577*	*1.289.923*
- *Công ty Cổ phần*	*3.344.353*	*4.972.728*
- *Doanh nghiệp tư nhân*	*2.767*	*2.191*
- *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*	*21.408*	*30.976*
- *Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã*	*16.726*	*13.150*
- *Tổ chức kinh tế khác*	*342.615*	*269.384*
Tiền gửi của cá nhân	117.228.056	111.553.885
Tiền gửi của các đối tượng khác	-	-
	122.549.687	**118.476.923**

21 . Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Bằng VND	25.652	9.807
	25.652	**9.807**

22 . Phát hành giấy tờ có giá thông thường

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kỳ hạn	Tổng giá trị theo mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Dưới 12 tháng	3.000.000	-	-	3.000.000
Từ 12 tháng đến dưới 05 năm	8.001.950	-	-	8.001.950
Từ 05 năm trở lên (i)	5.018.850	-	-	5.018.850
	16.020.800	**-**	**-**	**16.020.800**

(i): Trong đó, số lượng trái phiếu được phân phối thành công từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng lần 2 (đợt 2) (ngày kết thúc đợt chào bán: 28/10/2024) là 15.000.000 trái phiếu, mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu. Tính đến ngày 30/11/2024, toàn bộ số tiền thu được theo mệnh giá từ đợt phát hành trái phiếu này (1.500.000 triệu đồng) đã được Ngân hàng sử dụng để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kỳ hạn	Tổng giá trị theo mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Từ 12 tháng đến dưới 05 năm	4.801.950	-	-	4.801.950
Từ 05 năm trở lên	2.260.400	-	-	2.260.400
	7.062.350	**-**	**-**	**7.062.350**

23 . Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	97.926	145.002
Các khoản phải trả nội bộ	516.987	133.114
Các khoản phải trả bên ngoài	148.442	145.630
- *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*	*111.408*	*116.721*
- *Doanh thu chờ phân bổ*	*17.340*	-
- *Các khoản phải trả bên ngoài khác*	*19.694*	*28.909*
	763.355	**423.746**

24 . Vốn chủ sở hữu

24.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp/Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	**8.334.266**	**107.289**	**564**	**625.708**	**292.592**	**1.507.840**	**10.868.259**
Tăng trong năm	**625.070**	**-**	**-**	**84.404**	**42.202**	**1.011.255**	**1.762.931**
Tăng vốn trong năm (i)	625.070	-	-	-	-	-	625.070
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.011.255	1.011.255
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	84.404	42.202	-	126.606
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**(848.740)**	**(848.740)**
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	-	-	(223.670)	(223.670)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(625.070)	(625.070)
Số dư cuối năm	**8.959.336**	**107.289**	**564**	**710.112**	**334.794**	**1.670.355**	**11.782.450**

(i) Trong năm, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 8.334.266.440.000 VND lên 8.959.336.420.000 VND theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành thêm 62.506.998 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm 2022.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024, Ngân hàng đã thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

	Số tiền
	Triệu VND
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	42.202
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	84.404
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	84.404
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	12.660

24.2 . Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2024			31/12/2023		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp các cổ đông	8.959.336	8.959.336	-	8.334.266	8.334.266	-
Thặng dư vốn cổ phần	107.289	107.289	-	107.289	107.289	-
	9.066.625	**9.066.625**	**-**	**8.441.555**	**8.441.555**	**-**

24.3 . Cổ phiếu

	31/12/2024	31/12/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	895.933.642	833.426.644
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	895.933.642	833.426.644
- *Cổ phiếu phổ thông*	*895.933.642*	*833.426.644*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	895.933.642	833.426.644
- *Cổ phiếu phổ thông*	*895.933.642*	*833.426.644*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

25 . Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2024	Năm 2023
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	133.090	144.663
Thu nhập lãi cho vay	10.250.733	11.132.791
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	1.397.651	1.931.148
- *Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh*	*1.108.781*	*1.101.656*
- *Thu lãi từ chứng khoán đầu tư*	*288.870*	*829.492*
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	27.686	21.328
Thu khác từ hoạt động tín dụng	2.953	154.354
	11.812.113	**13.384.284**

26 . Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2024	Năm 2023
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	7.927.056	10.534.871
Trả lãi tiền vay	211	1.773
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	563.206	457.610
Chi phí hoạt động tín dụng khác	430	759
	8.490.903	**10.995.013**

27 . Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu phí dịch vụ	150.014	137.774
- *Dịch vụ thanh toán*	*34.750*	*27.743*
- *Dịch vụ ngân quỹ*	*1.241*	*1.280*
- *Dịch vụ ủy thác và đại lý*	*41.951*	*62.645*
- *Dịch vụ tư vấn*	*4.861*	*1.376*
- *Dịch vụ khác*	*67.211*	*44.730*
Chi phí dịch vụ liên quan	(44.433)	(32.922)
- *Dịch vụ thanh toán*	*(18.985)*	*(14.052)*
- *Dịch vụ ngân quỹ*	*(4.508)*	*(4.062)*
- *Dịch vụ ủy thác và đại lý*	*(2.434)*	*(468)*
- *Dịch vụ tư vấn*	*(5.703)*	*(5.285)*
- *Dịch vụ khác*	*(12.803)*	*(9.055)*
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	**105.581**	**104.852**

28 . Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	300.698	263.523
- *Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay*	*300.698*	*263.523*
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(368.950)	(148.177)
- *Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay*	*(368.950)*	*(148.177)*
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(68.252)**	**115.346**

29 . Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	314.178	317.251
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(32.001)	(4.080)
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) rủi ro chứng khoán đầu tư	1.499	6.481
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**283.676**	**319.652**

30 . Lãi thuần từ hoạt động khác

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	27.292	99.206
- *Thu từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro*	*15.029*	*92.723*
- *Thu nhập khác*	*12.263*	*6.483*
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(21.182)	(9.653)
- *Chi phí liên quan ủy thác thu hồi nợ*	*(104)*	*(114)*
- *Chi phí khác*	*(21.078)*	*(9.539)*
Lãi thuần từ hoạt động khác	**6.110**	**89.553**

31 . Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	12.638	27.639
- *Từ góp vốn, đầu tư dài hạn*	*12.638*	*27.639*
	12.638	**27.639**

32 . Chi phí hoạt động

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	8.561	22.885
Chi phí cho nhân viên	1.403.176	1.099.871
Trong đó:		
- *Chi lương và phụ cấp*	*1.103.231*	*832.943*
- *Các khoản chi đóng góp theo lương*	*118.355*	*107.941*
- *Chi trợ cấp*	*367*	*593*
- *Chi khác cho nhân viên*	*181.223*	*158.394*
Chi về tài sản	268.834	248.944
Trong đó:		
- *Khấu hao tài sản cố định*	*50.998*	*46.447*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	30.928	16.689
Trong đó:		
- *Công tác phí*	*24.316*	*15.463*
- *Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD*	*6.612*	*1.226*
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	172.443	144.229
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.635	348
Chi phí hoạt động khác	363.695	299.945
	2.249.272	**1.832.911**

33 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại:		
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á*	*245.981*	*203.631*
- *Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á*	*698*	*1.182*
- *Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á (AMC)*	*2.344*	*1.572*
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**249.023**	**206.385**
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	99.412	63.942
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(262.060)	(170.915)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	**86.375**	**99.412**

34 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Ngân hàng được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế (Triệu VND)	1.011.255	854.367
Các khoản điều chỉnh:	-	(97.064)
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)*	-	*(84.404)*
- *Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (i)*	-	*(12.660)*
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Triệu VND)	1.011.255	757.303
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (ii)	895.933.642	891.431.437
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**1.129**	**850**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024, Ngân hàng đã thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, trong đó, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 84.404 triệu VND và trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 12.660 triệu VND (Chi tiết Thuyết minh số 24.1).

(ii) Trong năm 2024, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 8.334.266.440.000 VND lên 8.959.336.420.000 VND theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành thêm 62.506.998 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm 2022.

Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu do các ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với số liệu so sánh năm 2023 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Ngân hàng chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

35 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ	566.596	616.570
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	798.225	887.264
Tiền, ngoại hối gửi tại các TCTD khác *(gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng)*	12.454.527	13.602.238
Cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày cho vay	450.000	-
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua	499.761	100.252
	14.769.109	**15.206.324**

36 . Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2024	Năm 2023
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	3.886	3.680
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương (triệu VND)	1.103.231	832.943
2. Thu nhập khác (triệu VND)	46.739	43.291
3. Tổng thu nhập (1+2) (triệu VND)	1.149.970	876.234
4. Tiền lương bình quân (Triệu VND/người/tháng)	23,66	18,86
5. Thu nhập bình quân hàng tháng (Triệu VND/người/tháng)	24,66	19,84

37 . Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

	Số dư đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1. Thuế GTGT	1.243	16.771	(16.689)	1.325
2. Thuế TNDN	99.412	249.023	(262.060)	86.375
3. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	16.067	149.892	(142.251)	23.708
	116.722	**415.686**	**(421.000)**	**111.408**

38 . Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/ người nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/ người xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, nếu Ngân hàng có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/ cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Ngoài các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn nêu trên, Ngân hàng còn một số cam kết đưa ra cho các đối tác như cam kết thực hiện các hợp đồng mua bán giấy tờ có giá, cam kết cho vay không hủy ngang.

Cam kết cho vay không hủy ngang là các cam kết của Ngân hàng để cung cấp dịch vụ tín dụng cho khách hàng và không được hủy ngang vô điều kiện theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	1.188.176	1.032.429
Bảo lãnh khác	1.221.016	479.721
- *Cam kết bảo lãnh thanh toán*	*169.312*	*83.181*
- *Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng*	*143.332*	*121.996*
- *Cam kết bảo lãnh dự thầu*	*351.440*	*12.255*
- *Cam kết bảo lãnh khác*	*556.932*	*262.289*
Cam kết giao dịch hối đoái	96.172.077	71.861.468
- *Cam kết mua ngoại tệ*	*16.809.800*	*10.336.200*
- *Cam kết bán ngoại tệ*	*6.759.800*	*6.858.391*
- *Cam kết giao dịch hoán đổi*	*72.602.477*	*54.666.877*
Cam kết cho vay không hủy ngang	1.330.645	115.636
	99.911.914	**73.489.254**

39 . Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	580.751	562.577
Lãi chứng khoán chưa thu được	111.580	-
Phí phải thu chưa thu được	30	33
	692.361	**562.610**

40 . Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	600.645	586.190
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.888.138	1.824.737
	2.488.783	**2.410.927**

41 . Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Mục tiêu của Ngân hàng là đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh, thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các tổ chức tín dụng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao nhằm giúp cơ cấu báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng cẩm nang tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời.

41.1 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản quy định chung về quản lý rủi ro tín dụng dựa trên các quy định của Ngân hàng Nhà nước và định hướng quản trị rủi ro nội bộ của Ngân hàng.

Hiện tại, bên cạnh việc thường xuyên điều chỉnh, cập nhật các mô hình và văn bản quy phạm nội bộ để phù hợp với tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng, Ngân hàng tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện mô hình Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trong thời gian tới.

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản Nợ nhóm 1 theo quy định tại Thông tư 31; các chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

41.2 . Rủi ro thị trường

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Ban Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Ngân hàng trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc gắn cơ cấu tài sản - nguồn vốn với những bất cân đối trong nguồn vốn tài trợ và rủi ro biến động lãi suất thị trường và đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu, hạn mức và quy định đặt ra.

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích thời hạn định lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ của Ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời gian còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác, trừ ủy thác đầu tư) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này bao gồm các trái phiếu có tính thanh khoản cao và lãi suất cố định.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ phải thu và các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất hoặc kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

				Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						
		Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Dưới 01 tháng	Từ 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 06 tháng	Từ trên 06 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN										
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	566.596	-	-	-	-	-	-	**566.596**
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	798.225	-	-	-	-	-	**798.225**
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	11.054.527	2.767.574	-	-	1.995.685	205.836	**16.023.622**
IV	Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	1.199.764	2.450.027	6.157.883	13.292.252	1.500.000	-	**24.599.926**
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	184.066	-	-	-	-	-	**184.066**
VI	Cho vay khách hàng (*)	1.748.572	-	29.114.099	67.674.549	8.744.770	1.801.964	65.434	403.416	**109.552.804**
VII	Chứng khoán đầu tư (*)	-	136.500	-	-	-	-	4.817.760	4.446.295	**9.400.555**
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	168.105	-	-	-	-	-	-	**168.105**
IX	Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.062.274	-	-	-	-	-	-	**1.062.274**
X	Tài sản có khác (*)	-	4.496.898	-	-	-	-	-	-	**4.496.898**
Tổng tài sản		**1.748.572**	**6.430.373**	**42.350.681**	**72.892.150**	**14.902.653**	**15.094.216**	**8.378.879**	**5.055.547**	**166.853.071**

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

		Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian							
	Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Dưới 01 tháng	Từ 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 06 tháng	Từ trên 06 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ									
I Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	70	162	86	4.362	2.824	-	**7.504**
II Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	11.881.039	-	-	-	-	-	**11.881.039**
III Tiền gửi của khách hàng	-	221.442	3.409.338	6.812.703	4.061.274	59.141.215	48.903.715	-	**122.549.687**
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	25.652	-	**25.652**
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.950	-	1.000.000	2.000.000	8.000.000	5.018.850	**16.020.800**
VI Các khoản nợ khác	-	3.219.561	-	-	-	-	-	-	**3.219.561**
Tổng nợ phải trả	**-**	**3.441.003**	**15.292.397**	**6.812.865**	**5.061.360**	**61.145.577**	**56.932.191**	**5.018.850**	**153.704.243**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**1.748.572**	**2.989.370**	**27.058.284**	**66.079.285**	**9.841.293**	**(46.051.361)**	**(48.553.312)**	**36.697**	**13.148.828**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	**1.748.572**	**2.989.370**	**27.058.284**	**66.079.285**	**9.841.293**	**(46.051.361)**	**(48.553.312)**	**36.697**	**13.148.828**

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng các đồng tiền khác ngoài VND và USD. Ngân hàng thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại hối khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.497	38.129	-	**43.626**
II. Tiền gửi tại NHNN	-	1.589	-	**1.589**
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	6.610	1.129.464	252.948	**1.389.022**
IV. Cho vay khách hàng (*)	-	98.000	-	**98.000**
V. Tài sản có khác (*)	-	46.139	1.321	**47.460**
Tổng tài sản	**12.107**	**1.313.321**	**254.269**	**1.579.697**
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I. Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	475.699	-	**475.699**
II. Tiền gửi của khách hàng	6.823	117.248	17	**124.088**
III. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	14.206.150	-	**14.206.150**
IV. Các khoản nợ khác	8	420	-	**428**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**6.831**	**14.799.517**	**17**	**14.806.365**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**5.276**	**(13.486.196)**	**254.252**	**(13.226.668)**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**10.050.000**	**-**	**10.050.000**
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	**5.276**	**(3.436.196)**	**254.252**	**(3.176.668)**

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tỷ giá quy đổi tại ngày kết thúc năm tài chính:

Ngoại tệ	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
USD	25.000,00	24.150,00
EUR	26.230,00	26.600,00
JPY	165,00	170,00
AUD	16.000,00	16.450,00
SGD	18.640,00	18.200,00
GBP	31.770,00	30.700,00
CAD	17.610,00	18.150,00
HKD	2.900,00	2.900,00
CHF	27.970,00	28.400,00

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ đáo hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- Thời gian đến hạn của chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên ngày đáo hạn trên hợp đồng hoặc ngày đáo hạn theo thời gian nắm giữ tối đa theo quy định của Ngân hàng tuỳ thuộc thời điểm nào đến trước.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính toán dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần được coi là từ một (01) năm đến năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- Các khoản nợ Chính phủ và NNNN; các khoản tiền gửi và tiền vay của các TCTD khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Thời đến hạn của các tài sản có và các khoản nợ khác được tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng.

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

		Quá hạn		Trong hạn					
		Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	566.596	-	-	-	-	**566.596**
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	798.225	-	-	-	-	**798.225**
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	11.054.527	2.767.574	-	1.995.685	205.836	**16.023.622**
IV	Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	24.599.926	-	-	-	-	**24.599.926**
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	184.066	-	-	-	-	**184.066**
VI	Cho vay khách hàng (*)	1.359.161	389.411	2.975.851	8.850.240	40.936.187	28.494.666	26.547.288	**109.552.804**
VII	Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	136.500	-	50.918	4.766.842	4.446.295	**9.400.555**
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	168.105	-	**168.105**
IX	Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	235.556	826.718	**1.062.274**
X	Tài sản có khác (*)	-	-	223.082	466.984	2.266.930	1.247.865	292.037	**4.496.898**
Tổng tài sản		**1.359.161**	**389.411**	**40.538.773**	**12.084.798**	**43.254.035**	**36.908.719**	**32.318.174**	**166.853.071**
NỢ PHẢI TRẢ									
I	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	70	162	4.448	2.824	-	**7.504**
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	11.881.039	-	-	-	-	**11.881.039**
III	Tiền gửi của khách hàng	-	-	3.630.780	6.812.703	63.202.489	48.903.715	-	**122.549.687**
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	25.652	-	**25.652**
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.950	-	3.000.000	8.000.000	5.018.850	**16.020.800**
VI	Các khoản nợ khác	-	-	825.457	140.291	1.273.823	979.990	-	**3.219.561**
Tổng nợ phải trả		**-**	**-**	**16.339.296**	**6.953.156**	**67.480.760**	**57.912.181**	**5.018.850**	**153.704.243**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng		**1.359.161**	**389.411**	**24.199.477**	**5.131.642**	**(24.226.725)**	**(21.003.462)**	**27.299.324**	**13.148.828**

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

42 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

43 . Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	113.121.899	134.430.726	3.739.837	184.066	34.000.481
	113.121.899	**134.430.726**	**3.739.837**	**184.066**	**34.000.481**

44 . Báo cáo bộ phận

44.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Doanh thu	**12.098.605**	**13.680.207**	**12.638**	**27.639**	**505.690**	**521.832**	**-**	**-**	**12.616.933**	**14.229.678**
1. Doanh thu lãi	11.784.427	13.362.956	-	-	27.686	21.328	-	-	**11.812.113**	**13.384.284**
2. Doanh thu từ hoạt động đầu tư	314.178	317.251	12.638	27.639	-	-	-	-	**326.816**	**344.890**
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	-	-	-	-	478.004	500.504	-	-	**478.004**	**500.504**
II. Chi phí	**(8.521.405)**	**(10.992.611)**	**-**	**-**	**(434.565)**	**(190.752)**	**(2.249.272)**	**(1.832.913)**	**(11.205.242)**	**(13.016.276)**
1. Chi phí lãi	(8.490.903)	(10.995.013)	-	-	-	-	-	-	**(8.490.903)**	**(10.995.013)**
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	(50.998)	(46.447)	**(50.998)**	**(46.447)**
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(30.502)	2.402	-	-	(434.565)	(190.752)	(2.198.274)	(1.786.466)	**(2.663.341)**	**(1.974.816)**
Kết quả kinh doanh	**3.577.200**	**2.687.596**	**12.638**	**27.639**	**71.125**	**331.080**	**(2.249.272)**	**(1.832.913)**	**1.411.691**	**1.213.402**
Chi phí dự phòng rủi ro	(151.413)	(152.568)	-	-	-	-	-	-	**(151.413)**	**(152.568)**
Kết quả kinh doanh bộ phận	**3.425.787**	**2.535.028**	**12.638**	**27.639**	**71.125**	**331.080**	**(2.249.272)**	**(1.832.913)**	**1.260.278**	**1.060.834**

44 . Báo cáo bộ phận

44.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
III. Tài sản (*)	**157.208.190**	**142.846.330**	**304.605**	**299.345**	**217.049**	**100.564**	**9.123.227**	**10.238.328**	**166.853.071**	**153.484.567**
1. Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	566.596	616.570	**566.596**	**616.570**
2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-	-	798.225	887.264	**798.225**	**887.264**
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	9.694.945	8.036.827	-	-	-	-	6.328.677	7.325.673	**16.023.622**	**15.362.500**
4. Chứng khoán kinh doanh	24.599.926	20.992.851	-	-	-	-	-	-	**24.599.926**	**20.992.851**
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính	-	-	-	-	184.066	-	-	-	**184.066**	**-**
6. Cho vay khách hàng	109.552.804	99.853.975	-	-	-	-	-	-	**109.552.804**	**99.853.975**
7. Chứng khoán đầu tư	9.264.055	10.433.819	136.500	136.500	-	-	-	-	**9.400.555**	**10.570.319**
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	168.105	162.845	-	-	-	-	**168.105**	**162.845**
9. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	3.683	3.683	1.058.591	1.052.987	**1.062.274**	**1.056.670**
10. Tài sản Có khác	4.096.460	3.528.858	-	-	29.300	96.881	371.138	355.834	**4.496.898**	**3.981.573**

44 . Báo cáo bộ phận

44.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
IV. Nợ phải trả	**152.940.888**	**140.853.892**	**-**	**-**	**-**	**97.173**	**763.355**	**423.747**	**153.704.243**	**141.374.812**
1. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	7.504	24.116	-	-	-	-	-	-	**7.504**	**24.116**
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	11.881.039	11.158.753	-	-	-	-	-	-	**11.881.039**	**11.158.753**
3. Tiền gửi của khách hàng	122.549.687	118.476.923	-	-	-	-	-	-	**122.549.687**	**118.476.923**
4. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	97.173	-	-	**-**	**97.173**
5. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	25.652	9.807	-	-	-	-	-	-	**25.652**	**9.807**
6. Phát hành giấy tờ có giá	16.020.800	7.062.350	-	-	-	-	-	-	**16.020.800**	**7.062.350**
7. Các khoản nợ khác	2.456.206	4.121.943	-	-	-	-	763.355	423.747	**3.219.561**	**4.545.690**

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

44.2 . Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2024 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

45 . Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm kết thúc năm tài chính và trong năm như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Chi phí lãi trả cho tiền gửi của	**360**	**201**
- Thành viên Hội đồng quản trị	90	4
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc	203	176
- Thành viên Ban kiểm soát	67	21

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2024 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi trả theo Quy chế lương của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi của khách hàng	**44.346**	**26.034**
- Thành viên Hội đồng quản trị	3.664	9.045
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc	40.285	16.391
- Thành viên Ban kiểm soát	397	598

46 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Trang Liên	Nguyễn Hồng Yến	Thái Hương

Trên đây là toàn văn Báo cáo Thường niên năm 2024 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.



